

TIẾT 10,11,12**Ngày soạn: 2/10/2026****BÀI 4. CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.
- Nêu được khái niệm và chức năng của giá cả thị trường.
- Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.
- Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.
- Vận dụng kiến thức để nhận xét, đánh giá một số hành vi khi tham gia thị trường; biết tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường và phê phán hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận diện, đánh giá và tự điều chỉnh hành vi tiêu dùng, kinh doanh phù hợp với quy luật thị trường, pháp luật và đạo đức kinh doanh.

Năng lực tìm hiểu và tham gia HĐ KT-XH: Tìm hiểu, giải thích được sự biến động của giá cả hàng hóa; đề xuất giải pháp xử lý các tình huống kinh tế thực tiễn (như găm hàng, tăng giá) phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất:

- **Trung thực:** Không gian lận, không tiếp tay cho hành vi làm sai lệch thông tin thị trường.
- **Trách nhiệm:** Biết tôn trọng quyền kinh doanh hợp pháp của người khác, quyền lợi người tiêu dùng và lợi ích xã hội. Có thái độ phê phán hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động kinh tế.

4. Nội dung tích hợp:

Đạo đức kinh doanh, pháp luật và quyền của người tiêu dùng: Nhận diện, phê phán hành vi găm hàng, bán hàng giả, gian lận nguồn gốc, thao túng giá; tôn trọng quyền được cung cấp thông tin trung thực và quyền được bảo vệ của người tiêu dùng.

Năng lực số: [1.1.NC1b] tìm kiếm thông tin, dữ liệu về giá cả hàng hóa; [1.2.NC1a] đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin số; [3.1.NC1a] tạo infographic/poster số; [5.3.NC1a] sử dụng công cụ số để trình bày, chia sẻ sản phẩm học tập.

Năng lực AI: [NLa] nhận diện tác động/rủi ro của thuật toán AI trong việc tạo “giá ảo”, “khan hiếm ảo”; [NLc] sử dụng AI như công cụ hỗ trợ gợi ý dàn ý, câu hỏi hoặc bố cục sản phẩm nhưng phải kiểm chứng bằng SGK và nguồn tin đáng tin cậy.

Nguyên tắc an toàn khi dùng AI: Không nhập dữ liệu cá nhân; không sao chép nguyên văn; không dùng AI làm nguồn duy nhất; phải ghi rõ cách dùng AI và nguồn kiểm chứng.

II.

Giáo dục quyền con người: Liên hệ quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản hợp pháp trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; nhấn mạnh việc thực hiện quyền kinh doanh phải trong ngành nghề pháp luật không cấm, tôn trọng quyền của người tiêu dùng, quyền của chủ thể kinh tế khác, lợi ích cộng đồng và nghĩa vụ thuế.

Giáo dục phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và liêm chính: Nhận diện, phê phán các biểu hiện làm méo mó cơ chế thị trường như găm hàng, thao túng giá, hàng giả, gian lận nguồn gốc, trốn thuế; liên hệ nguy cơ đưa/nhận hối lộ, những thiếu minh bạch trong cấp phép, kiểm tra, xử lý vi phạm kinh doanh.

THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu/tivi, điện thoại thông minh (nếu có kết nối mạng), bảng phụ, nam châm, thẻ màu (Xanh/Đỏ).

2. Học liệu: SGK, SGV Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống; tình huống SGK trang 24-27; phiếu học tập; dữ liệu/ảnh/bản tin thị trường; học liệu số, công cụ thiết kế infographic như Canva/PowerPoint; công cụ AI tạo sinh dùng có kiểm soát.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1: KHÁI NIỆM VÀ ƯU ĐIỂM CỦA CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Giúp học sinh nhận diện các yếu tố cơ bản của thị trường, Giúp học sinh nêu được khái niệm cơ chế thị trường.

b) Nội dung: Học sinh tham gia trò chơi "Giải ô chữ bí mật", giải mã 4 từ hàng ngang để tìm ra từ khóa hàng dọc.

c) Sản phẩm: Đáp án của học sinh cho các từ khóa: (1) CẠNH TRANH, (2) CUNG, (3) GIÁ CẢ, (4) LỢI NHUẬN. Từ khóa dọc: CƠ CHẾ.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên trình chiếu ô chữ và nêu luật chơi. HS trả lời nhanh các gợi ý: (1) Sự ganh đua giữa các chủ thể kinh tế để giành ưu thế; (2) Khối lượng hàng hóa người bán muốn bán; (3) Số tiền phải trả cho một hàng hóa; (4) Động lực lớn của người kinh doanh.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và giao tay trả lời.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS lần lượt giải các hàng ngang; cả lớp nhận xét, bổ sung. GV yêu cầu HS đọc từ khóa hàng dọc và dự đoán nội dung bài học.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV chốt: Cạnh tranh, cung - cầu, giá cả, lợi nhuận không tồn tại rời rạc mà liên kết thành cơ chế vận hành của thị trường, giống “bàn tay vô hình” tác động đến quyết định của người sản xuất và người tiêu dùng. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta làm rõ.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: KHÁI NIỆM CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Thời lượng: 15 phút

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Khái niệm cơ chế thị trường

a) Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được khái niệm cơ chế thị trường.

- **Tích hợp AI (NLc):** Sử dụng AI tạo sinh để hỗ trợ tóm tắt khái niệm.

b) Nội dung: Học sinh đọc thông tin về Giám đốc Công ty X (SGK tr.24), phân tích các mối quan hệ chi phối doanh nghiệp.

c) Sản phẩm:

- Các yếu tố chi phối: Cung - cầu, giá cả, cạnh tranh, lợi nhuận.

- Hậu quả nếu bỏ qua: Doanh nghiệp sẽ thua lỗ, phá sản.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp anh M - Giám đốc Công ty X trong SGK trang 24. HS làm việc cá nhân, gạch chân các yếu tố chi phối hoạt động của doanh nghiệp. Câu hỏi khai thác: 1) Công ty X muốn có lợi nhuận phải giải quyết tốt những mối quan hệ nào trên thị trường? 2) Nếu doanh nghiệp không quan tâm đến nhu cầu người tiêu dùng và đối thủ cạnh tranh thì điều gì có thể xảy ra? 3) Vì sao nói các chủ thể kinh tế không thể hành động	1. Cơ chế thị trường a) Khái niệm cơ chế thị trường - Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế. - Các yếu tố cấu thành: Cạnh tranh, cung - cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

hoàn toàn tùy ý trên thị trường?

Câu hỏi

Nếu người bán được tự do định giá, vì sao họ không thể tùy ý bán giá quá cao trong thời gian dài?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc SGK, ghi nhanh từ khóa: cạnh tranh, cung - cầu, giá cả, lợi nhuận, người tiêu dùng, đối thủ. GV hỗ trợ HS yếu bằng câu hỏi gợi mở: “Ai quyết định mua hay không mua sản phẩm?”; “Đối thủ cạnh tranh tác động ra sao?”.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

2-3 HS trình bày. HS khác bổ sung. GV yêu cầu HS rút ra khái niệm cơ chế thị trường bằng cách hoàn thành câu: “Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính...”

Bước 4. Kết luận, nhận định:

GV chuẩn hóa khái niệm, nhấn mạnh tính khách quan và tự điều chỉnh của cơ chế thị trường.

Tích hợp AI [NLC]: GV có thể chiếu một câu tóm tắt ngắn do AI tạo về “cơ chế thị trường”, yêu cầu HS đối chiếu SGK xem câu đó thiếu hoặc thừa ý nào. Không dùng AI thay kết luận của HS.

Câu hỏi tích hợp quyền con người: Trong cơ chế thị trường, việc cá nhân/tổ chức tự lựa chọn ngành nghề, mặt hàng, cách thức sản xuất kinh doanh thể hiện quyền gì? Quyền đó có giới hạn nào?

Gợi ý trả lời: Thể hiện quyền tự do kinh doanh; quyền này được thực hiện trong những ngành nghề pháp luật không cấm và phải tôn trọng quyền của người tiêu dùng, quyền của chủ thể khác, lợi ích công cộng, nghĩa vụ thuế.

Tích hợp quyền con người - thực hiện quyền kinh doanh:

- Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; tài sản hợp pháp trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ.

- Quyền kinh doanh không phải là tự do tuyệt đối; phải gắn với tuân thủ pháp luật, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, tôn trọng quyền người tiêu dùng và chủ thể kinh tế khác.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu Ưu điểm của cơ chế thị trường (15 phút)

a) Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được các ưu điểm của cơ chế thị trường.

- **Tích hợp NLS (1.1.NC1b):** Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin.

b) Nội dung: Học sinh hoạt động nhóm, phân tích các thông tin (SGK tr.24).

c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập số 1

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin về ngành dệt may Việt Nam trong SGK trang 24-25. Tổ chức kỹ thuật Khăn trải bàn. Mỗi nhóm nhận một giấy A0/A3, mỗi thành viên ghi ý kiến cá nhân ở một góc; nhóm thống nhất ý kiến ở ô trung tâm. Câu hỏi khai thác: 1) Ngành dệt may đã làm gì để tồn tại trong cạnh tranh? 2) Việc cải tiến kỹ thuật, mẫu mã, quản lý đem lại lợi ích gì cho doanh nghiệp và người tiêu dùng? 3) Cơ chế thị trường đã phân bổ nguồn lực như thế nào để đáp ứng nhu cầu xã hội? Câu hỏi chuyên sâu:	b) Ưu điểm của cơ chế thị trường - Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế. + Doanh nghiệp phải cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, giảm chi phí, đổi mới quản lí. - Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế. + Nguồn lực được chuyển đến những ngành, lĩnh vực có nhu cầu và hiệu quả cao hơn. - Thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của

Vì sao cạnh tranh không chỉ tạo áp lực mà còn có thể trở thành động lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc thông tin, ghi ý cá nhân, thảo luận nhóm và hoàn thiện ô trung tâm. GV quan sát, nhắc HS không chép lại SGK mà phải diễn đạt bằng ví dụ thực tế.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

Đại diện nhóm trình bày 3 ưu điểm, lấy ví dụ một doanh nghiệp/sản phẩm đang cải tiến để đáp ứng nhu cầu thị trường. Nhóm khác đặt câu hỏi phản biện.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

GV chốt các ưu điểm theo SGK và liên hệ: một doanh nghiệp muốn tồn tại cần năng động, sáng tạo, nắm bắt tín hiệu thị trường.

Tích hợp NLS [1.1.NC1b]: Nếu có thiết bị, HS tìm nhanh một ví dụ về doanh nghiệp đổi mới sản phẩm theo nhu cầu thị trường; HS phải nêu nguồn tìm kiếm.

Liên hệ quyền con người: GV yêu cầu HS phân tích: “Tại sao quyền tự do kinh doanh tạo điều kiện cho người dân phát huy sáng kiến, nhưng quyền này phải đi cùng trách nhiệm pháp lý và đạo đức kinh doanh?”

Đáp án dự kiến: Quyền tự do kinh doanh giúp cá nhân/tổ chức lựa chọn ngành nghề, sản phẩm, phương án kinh doanh phù hợp nhu cầu thị trường; tuy nhiên phải kinh doanh hàng hóa hợp pháp, trung thực, nộp thuế, không gian lận, không xâm phạm quyền người tiêu dùng.

con người, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

+ Người tiêu dùng có nhiều lựa chọn hơn về chất lượng, mẫu mã, giá cả.

Liên hệ thực hiện quyền kinh doanh:

- Cơ chế thị trường tạo môi trường để các chủ thể thực hiện quyền tự do kinh doanh, tự chủ lựa chọn mặt hàng, phương thức, giá cả, kênh phân phối trong khuôn khổ pháp luật.

- Nhà nước bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch để quyền kinh doanh được thực hiện thực chất; mọi hành vi cản trở, những nhiễu, trục lợi đều làm suy giảm quyền kinh doanh bình đẳng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phần A. Bài tập sách giáo khoa

a) Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố kiến thức, đánh giá đúng sai các nhận định.

b) Nội dung: Học sinh thực hiện Bài tập 1 (nhận định a, b - SGK tr.27).

c) Sản phẩm:

- Câu (a): Đồng tình. Vì thị trường trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp.
- Câu (b): Đồng tình. Vì lợi nhuận là động lực lớn nhất để cải tiến kỹ thuật.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, đọc nhận định (a), (b).

+ Sử dụng thẻ màu (Xanh = Đồng tình; Đỏ = Không đồng tình).

+ Yêu cầu học sinh giải thích căn cứ lựa chọn.

- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ, đối chiếu lý thuyết, chuẩn bị lập luận.

- Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ Giáo viên hô khẩu lệnh, học sinh giơ thẻ.

+ Giáo viên mời 2 học sinh giải thích.

- Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt đáp án đúng.

Bài tập 1 (SGK tr.27):

- **Nhận định a (Đồng tình):** Cơ chế thị trường trao quyền tự chủ kinh doanh cho các chủ thể (tự quyết định sản xuất cái gì, như thế nào).

- **Nhận định b (Đồng tình):** Lợi nhuận là động lực thúc đẩy chủ thể cải tiến kỹ thuật, nâng

cao năng suất (thể hiện rõ ưu điểm).

Phần B. Câu hỏi trắc nghiệm

a) Mục tiêu:

Học sinh nhận biết được khái niệm, yếu tố cấu thành và ưu điểm của cơ chế thị trường; hiểu được vai trò điều tiết của cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận đối với hoạt động kinh tế.

b) Nội dung:

Học sinh trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm về cơ chế thị trường, các yếu tố cấu thành và ưu điểm của cơ chế thị trường.

c) Sản phẩm:

Phiếu trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát phiếu hoặc trình chiếu câu hỏi.

Câu 1. Cơ chế thị trường được hiểu là hệ thống các quan hệ kinh tế

- A. do Nhà nước trực tiếp quyết định toàn bộ giá cả.
- B. mang tính tự điều chỉnh theo các quy luật kinh tế.
- C. chỉ vận hành dựa trên mệnh lệnh hành chính bắt buộc.
- D. không chịu tác động của cung, cầu và cạnh tranh.

Câu 2. Yếu tố nào sau đây thuộc các yếu tố cấu thành cơ chế thị trường?

- A. Cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận.
- B. Kế hoạch, chỉ tiêu, mệnh lệnh, bao cấp.
- C. Ngân sách, công quyền, thủ tục, hồ sơ.
- D. Dân số, địa hình, khí hậu, tài nguyên.

Câu 3. Trong cơ chế thị trường, các yếu tố như cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận có vai trò

- A. làm cho mọi chủ thể kinh tế ngừng sản xuất.
- B. chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế.
- C. loại bỏ hoàn toàn sự vận động của thị trường.
- D. thay thế mọi quy luật kinh tế trong xã hội.

Câu 4. Vì sao cơ chế thị trường được ví như “bàn tay vô hình” điều tiết nền kinh tế?

- A. Vì thị trường tự điều chỉnh thông qua cạnh tranh, cung – cầu, giá cả.
- B. Vì mọi hoạt động kinh tế đều do một chủ thể duy nhất quyết định.
- C. Vì người tiêu dùng không có tác động đến sản xuất hàng hóa.
- D. Vì giá cả thị trường luôn cố định trong mọi điều kiện kinh tế.

Câu 5. Ưu điểm nào sau đây thể hiện cơ chế thị trường kích thích sự phát triển sản xuất?

- A. Làm giảm động lực đổi mới của các chủ thể kinh tế.
- B. Khuyến khích ứng dụng công nghệ, đổi mới quản lí, tăng năng suất.
- C. Hạn chế cạnh tranh để các doanh nghiệp không phải cải tiến.
- D. Giữ nguyên cách sản xuất cũ dù nhu cầu xã hội thay đổi.

Câu 6. Cơ chế thị trường góp phần thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của con người vì

- A. nguồn lực kinh tế được phân bổ lại để đáp ứng nhu cầu xã hội.
- B. mọi hàng hóa đều được sản xuất mà không cần tính hiệu quả.
- C. các chủ thể kinh tế không cần quan tâm lợi ích người tiêu dùng.
- D. sản xuất chỉ phục vụ lợi ích riêng của một nhóm chủ thể.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm bài cá nhân trong 5 phút.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh nêu đáp án, giải thích ngắn gọn.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án, nhấn mạnh vai trò tự điều chỉnh và ưu điểm của cơ chế thị trường.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng ưu điểm của cơ chế thị trường để giải thích hiện tượng kinh tế địa phương.

b) Nội dung: Giải thích sự cải tiến bao bì của một loại đặc sản địa phương.

c) Sản phẩm: Một đoạn văn ngắn (5-7 dòng) nộp vào tiết sau.

d) Tổ chức thực hiện:**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Quan sát một sản phẩm đặc sản của địa phương em (VD: gạo, mắm). Vận dụng kiến thức hiểu biết của em, hãy viết đoạn văn giải thích tại sao hiện nay người nông dân phải đầu tư bao bì đẹp và gắn mã QR truy xuất nguồn gốc?"

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện quan sát và viết báo cáo tại nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Nộp sản phẩm vào đầu tiết học sau qua nhóm Zalo hoặc nộp bản giấy.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên ghi nhận nhiệm vụ, thông báo sẽ lấy điểm đánh giá thường xuyên cho các bài xuất sắc.

TIẾT 2: NHƯỢC ĐIỂM CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG & GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Thời lượng: 5 phút

a) Mục tiêu hoạt động:

Tạo mâu thuẫn nhận thức: cơ chế thị trường có nhiều ưu điểm nhưng cũng tiềm ẩn những khuyết tật cần nhận diện và điều chỉnh.

b) Nội dung hoạt động:

HS sắp xếp các chữ cái bị xáo trộn thành từ khóa chỉ hiện tượng tiêu cực: LẠM PHÁT, HÀNG GIẢ, Ô NHIỄM, GẤM HÀNG.

c) Sản phẩm học tập:

HS nêu đúng từ khóa và bước đầu dự đoán nhược điểm của cơ chế thị trường.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu 4 dãy chữ cái xáo trộn, nêu luật chơi: cá nhân/nhóm nào trả lời nhanh và giải thích đúng được điểm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ nhanh, sắp xếp chữ cái, ghi đáp án vào bảng con hoặc trả lời miệng.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS đọc đáp án, giải thích ngắn vì sao những hiện tượng này gây hại cho thị trường.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, dẫn dắt: *Cơ chế thị trường không hoàn hảo. Việc chạy theo lợi nhuận sẽ tự sinh ra những "căn bệnh" như lạm phát, hàng giả, ô nhiễm môi trường. Bài học hôm nay sẽ làm rõ nguyên nhân này.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu nhược điểm của cơ chế thị trường

a) Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được các nhược điểm của cơ chế thị trường.

- **Tích hợp Đạo đức/PCTN:** Phê phán hành vi tối đa hóa lợi nhuận vi phạm pháp luật.

b) Nội dung: Học sinh phân tích thông tin 1, 2 (SGK tr.26) tìm ra các rủi ro của thị trường.

c) Sản phẩm:

- Hậu quả: Xả thải gây ô nhiễm, làm hàng giả, trốn thuế.

- Kết luận 4 nhược điểm cốt lõi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin 1, 2 trong SGK trang 25-26, sử dụng kỹ thuật XYZ: mỗi HS ghi 3 hậu quả nếu doanh nghiệp chỉ chạy theo	c) Nhược điểm của cơ chế thị trường - Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng kinh tế. + Cung vượt cầu, đầu cơ, tăng giá bất thường có thể gây bất ổn thị trường. - Có thể làm nảy sinh hành vi vi phạm đạo đức

lợi nhuận tối đa mà bỏ qua pháp luật, đạo đức và môi trường; sau đó chuyển phiếu cho bạn góp ý.

Câu hỏi khai thác:

1) Những hành vi nào trong thông tin cho thấy chủ thể kinh tế chạy theo lợi nhuận bất chấp hậu quả?

2) Hành vi đó gây thiệt hại cho ai?

3) Vì sao cơ chế thị trường có thể dẫn đến rủi ro, khủng hoảng, hàng giả hoặc ô nhiễm?

Vì sao cùng một cơ chế thị trường vừa có thể thúc đẩy đổi mới, vừa có thể làm nảy sinh hành vi gian lận, đầu cơ, găm hàng?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, góp ý theo cặp, hoàn thiện phiếu. GV hướng HS tập trung vào từ khóa: rủi ro/khủng hoảng, vi phạm đạo đức/pháp luật, ô nhiễm, phân hóa giàu nghèo.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

Một số HS nêu ví dụ thực tế như hàng giả, thực phẩm bẩn, xả thải, đầu cơ găm hàng. Cả lớp phân tích đối tượng chịu thiệt hại.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

GV chuẩn hóa 4 nhóm nhược điểm; nhấn mạnh cần có đạo đức kinh doanh, pháp luật và vai trò quản lý của Nhà nước.

Tích hợp đạo đức/PL/quyền người tiêu dùng: Phê phán hành vi gian lận nhãn mác, bán hàng không rõ nguồn gốc vì xâm phạm quyền được an toàn, quyền được cung cấp thông tin chính xác của người tiêu dùng.

Tích hợp PCTN, tiêu cực và liêm chính:

GV nêu tình huống giả định: “Một cơ sở kinh doanh hàng kém chất lượng đưa tiền cho người có trách nhiệm kiểm tra để được bỏ qua vi phạm; một số chủ thể trốn thuế, gian lận hóa đơn, thao túng giá để trục lợi.” HS xác định hành vi sai, hậu quả và cách ứng xử liêm chính.

Những hành vi thiếu minh bạch, móc ngoặc, đưa/nhận hối lộ trong hoạt động thị trường làm tổn hại những quyền và

kinh doanh và pháp luật.

+ Làm hàng giả, gian lận nguồn gốc, trốn thuế, găm hàng, thao túng giá.

- Có thể gây cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường nếu chủ thể chỉ chạy theo lợi nhuận.

- Có thể dẫn đến phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong tiếp cận cơ hội.

Yêu cầu cần đạt:

- HS nêu được nhược điểm của cơ chế thị trường.

- HS biết phê phán hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

Tích hợp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính:

- Tham nhũng/tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế có thể biểu hiện qua những nhiều, nhận/đưa hối lộ, lợi dụng chức vụ quyền hạn để bao che vi phạm, trục lợi, thiếu minh bạch trong cấp phép hoặc kiểm tra kinh doanh.

- Những hành vi này làm méo mó cơ chế thị trường, tạo cạnh tranh không lành mạnh, xâm phạm quyền người tiêu dùng, quyền kinh doanh bình đẳng và lợi ích của Nhà nước, xã hội.

- Cần xây dựng thái độ liêm chính: không tiếp tay cho gian lận, không đưa/nhận hối lộ, tôn trọng pháp luật, minh bạch thông tin, nộp thuế đúng quy định.

lợi ích nào? Đáp án dự kiến: Làm méo mó cạnh tranh, xâm phạm quyền kinh doanh bình đẳng của doanh nghiệp chân chính, quyền được an toàn và được cung cấp thông tin trung thực của người tiêu dùng, làm thất thu ngân sách và suy giảm niềm tin xã hội.	
---	--

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu khái niệm và chức năng của giá cả thị trường

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh nêu được khái niệm và phân tích rõ 3 chức năng của giá cả thị trường.
- **Tích hợp AI (NLa):** Nhận diện ảnh hưởng của thuật toán AI làm sai lệch chức năng cung cấp thông tin của giá cả trên môi trường số.

b) Nội dung: Học sinh đọc thông tin về sự thay đổi giá sữa (SGKtr.26-27), bóc tách các chức năng của giá cả, sau đó vận dụng để giải quyết tình huống "giá ảo" do AI tạo ra trên thương mại điện tử.

c) Sản phẩm:

- Khái niệm giá cả thị trường.
- Giải thích rõ 3 chức năng (Thông tin, Phân bổ, Quản lý)
- Phát hiện của học sinh: Thuật toán AI trên Shopee/TikTok làm méo mó chức năng cung cấp thông tin.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin về biến động giá sữa trong SGK trang 26-27 và trả lời câu hỏi theo kỹ thuật Suy nghĩ - Cặp đôi - Chia sẻ. Câu hỏi khai thác: 1) Giá sữa trong tình huống thay đổi như thế nào? 2) Người mua và người bán đã phản ứng ra sao trước sự thay đổi giá? 3) Giá bán thực tế có phải lúc nào cũng do một phía người bán quyết định không? Câu hỏi chuyên sâu: Giá bán thực tế của hàng hóa có phải luôn bằng chi phí sản xuất cộng lợi nhuận mong muốn của người bán không? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, trao đổi cặp đôi, rút ra các yếu tố tác động đến giá: chi phí, cung - cầu, cạnh tranh, thỏa thuận mua - bán, chất lượng, thị hiếu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Một số cặp trình bày khái niệm giá cả thị trường bằng ngôn ngữ của mình. GV yêu cầu HS phân biệt “giá niêm yết/giá mong muốn của người bán” với “giá cả thị trường”. Bước 4. Kết luận, nhận định: GV chốt khái niệm, chuẩn hóa thuật ngữ. GV lưu ý HS: giá cả thị trường là tín hiệu quan trọng nhưng có thể bị sai lệch bởi đầu cơ, gian lận, thông tin giả.	2. Giá cả thị trường a) Khái niệm: - Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định. - Giá cả thị trường được hình thành trong quá trình thỏa thuận giữa người mua và người bán. - Giá cả thị trường chịu tác động của nhiều yếu tố như: giá trị hàng hóa, cung - cầu, cạnh tranh, sức mua, tâm lý và thông tin thị trường.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phần A. Bài tập sgk

a) Mục tiêu: Giúp học sinh rèn kỹ năng xử lý tình huống liên quan đến nhược điểm thị trường.

b) Nội dung: Phân tích Tình huống (b) Bài tập 3 (SGK tr.27) về hành vi găm hàng.

c) Sản phẩm: Lập luận phê phán hành vi của bà Y.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Giáo viên chiếu tình huống: Bà Y giữ hàng trong kho (găm hàng) chờ giá tăng mới bán.

+ Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân.

Câu hỏi: Hành vi găm hàng lúc khan hiếm tác động tiêu cực thế nào đến chức năng phân bổ nguồn lực của giá cả?

Câu hỏi PCTN/liêm chính: Nếu việc găm hàng, tạo khan hiếm giả tạo có sự móc nối với người có chức vụ để né kiểm tra hoặc che giấu vi phạm, hành vi đó cần được nhìn nhận như thế nào? HS liên hệ trách nhiệm trung thực, liêm chính trong kinh doanh và quyền của người tiêu dùng.

- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ, đối chiếu nhược điểm thị trường với đạo đức kinh doanh.

- Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh lần lượt trình bày ý kiến.

- Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức: Găm hàng là hành vi tạo khan hiếm giả tạo, vi phạm đạo đức kinh doanh và luật pháp, cần bị xử lý nghiêm.

Bài tập 3 - Tình huống b (SGK tr.27):

- Hành vi của bà Y là sai, vi phạm đạo đức kinh doanh và pháp luật.

- Găm hàng tạo ra sự khan hiếm giả tạo, đẩy giá lên cao, gây thiệt hại cho người tiêu dùng và gây rối loạn thị trường.

- Cần lên án và báo cho cơ quan quản lý thị trường.

Phần B. Câu hỏi trắc nghiệm

a) Mục tiêu:

Học sinh nhận biết được khái niệm, yếu tố cấu thành và ưu điểm của cơ chế thị trường; hiểu được vai trò điều tiết của cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận đối với hoạt động kinh tế.

b) Nội dung:

Học sinh trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm về cơ chế thị trường, các yếu tố cấu thành và ưu điểm của cơ chế thị trường.

c) Sản phẩm:

Phiếu trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát phiếu hoặc trình chiếu câu hỏi.

Câu 1. Cơ chế thị trường được hiểu là hệ thống các quan hệ kinh tế

A. do Nhà nước trực tiếp quyết định toàn bộ giá cả.

B. mang tính tự điều chỉnh theo các quy luật kinh tế.

C. chỉ vận hành dựa trên mệnh lệnh hành chính bắt buộc.

D. không chịu tác động của cung, cầu và cạnh tranh.

Câu 2. Yếu tố nào sau đây thuộc các yếu tố cấu thành cơ chế thị trường?

A. Cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận.

B. Kế hoạch, chỉ tiêu, mệnh lệnh, bao cấp.

C. Ngân sách, công quyền, thủ tục, hồ sơ.

D. Dân số, địa hình, khí hậu, tài nguyên.

Câu 3. Trong cơ chế thị trường, các yếu tố như cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận có vai trò

A. làm cho mọi chủ thể kinh tế ngừng sản xuất.

B. chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế.

C. loại bỏ hoàn toàn sự vận động của thị trường.

D. thay thế mọi quy luật kinh tế trong xã hội.

Câu 4. Vì sao cơ chế thị trường được ví như “bàn tay vô hình” điều tiết nền kinh tế?

A. Vì thị trường tự điều chỉnh thông qua cạnh tranh, cung – cầu, giá cả.

B. Vì mọi hoạt động kinh tế đều do một chủ thể duy nhất quyết định.

C. Vì người tiêu dùng không có tác động đến sản xuất hàng hóa.

D. Vì giá cả thị trường luôn cố định trong mọi điều kiện kinh tế.

Câu 5. Ưu điểm nào sau đây thể hiện cơ chế thị trường kích thích sự phát triển sản xuất?

A. Làm giảm động lực đổi mới của các chủ thể kinh tế.

B. Khuyến khích ứng dụng công nghệ, đổi mới quản lý, tăng năng suất.

C. Hạn chế cạnh tranh để các doanh nghiệp không phải cải tiến.

D. Giữ nguyên cách sản xuất cũ dù nhu cầu xã hội thay đổi.

Câu 6. Cơ chế thị trường góp phần thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của con người vì

A. nguồn lực kinh tế được phân bổ lại để đáp ứng nhu cầu xã hội.

B. mọi hàng hóa đều được sản xuất mà không cần tính hiệu quả.

C. các chủ thể kinh tế không cần quan tâm lợi ích người tiêu dùng.

D. sản xuất chỉ phục vụ lợi ích riêng của một nhóm chủ thể.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm bài cá nhân trong 5 phút.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh nêu đáp án, giải thích ngắn gọn.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án, nhấn mạnh vai trò tự điều chỉnh và ưu điểm của cơ chế thị trường.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Học sinh liên hệ chức năng của giá cả vào đời sống thực tế gia đình.

b) **Nội dung:** Phỏng vấn người thân về quyết định chi tiêu khi giá cả biến động.

c) **Sản phẩm:** Lời kể của học sinh ở tiết sau.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giao nhiệm vụ: *"Hãy phỏng vấn người thân về một mặt hàng mà gia đình em đã ngừng/giảm mua dạo gần đây vì giá tăng cao. Điều đó chứng minh chức năng gì của giá cả?"*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện hỏi đáp tại nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh báo cáo miệng vào phần Khởi động của tiết 3.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên ghi nhận nhiệm vụ.

TIẾT 3: CHỨC NĂNG CỦA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG - LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG TỔNG HỢP

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (TIẾT 3)

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU : TÍN HIỆU GIÁ CẢ

Thời lượng: 5 phút

a) **Mục tiêu hoạt động:**

Kết nối nhiệm vụ phỏng vấn ở tiết 2 với nội dung chức năng của giá cả thị trường; giúp HS nhận ra giá cả là tín hiệu ảnh hưởng đến hành vi của người mua, người bán và Nhà nước.

b) **Nội dung hoạt động:**

HS chia sẻ nhanh kết quả phỏng vấn người thân về một mặt hàng thay đổi giá và phản ứng của gia đình.

c) **Sản phẩm học tập:**

HS nêu được ít nhất một ví dụ cho thấy giá cả tác động đến hành vi mua bán, sản xuất hoặc quản lý.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV mời 2-3 HS chia sẻ kết quả phỏng vấn: mặt hàng nào tăng/giảm giá, gia đình đã phản ứng thế nào.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày ngắn gọn, HS khác lắng nghe và ghi từ khóa: giảm mua, chuyển sản phẩm thay thế, tìm nơi bán rẻ hơn, chờ giá ổn định.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV hỏi: “Giá cả trong các ví dụ vừa nêu đã cung cấp thông tin gì cho người tiêu dùng?”

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV dẫn vào nội dung: Giá cả thị trường không chỉ là số tiền phải trả mà còn có các chức năng quan trọng trong nền kinh tế.

Đánh giá:

Đánh giá sự chuẩn bị bài và khả năng kết nối thực tiễn với nội dung học.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: CHỨC NĂNG CỦA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Thời lượng: 18 phút

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc lại thông tin về giá sữa trong SGK trang 26-27 và hoàn thành Phiếu học tập “Giải mã ngôn ngữ thị trường”. HS nổi hiện tượng thực tế với chức năng của giá cả. Cột A: (a) Giá báo hiệu cho người mua/người bán biết hàng hóa đang đắt lên hay rẻ đi; (b) Nhà đầu tư chuyển vốn sang lĩnh vực có lợi nhuận cao; (c) Nhà nước áp dụng trần giá, trợ giá hoặc bình ổn với hàng thiết yếu. Cột B: (1) Phân bổ nguồn lực; (2) Công cụ quản lý của Nhà nước; (3) Cung cấp thông tin. Câu hỏi khai thác: 1) Giá cả cung cấp thông tin gì cho người mua và người bán? 2) Vì sao giá cao có thể khiến nguồn lực đổ vào ngành/lĩnh vực đó? 3) Khi giá hàng thiết yếu tăng quá cao, Nhà nước có thể làm gì? Câu hỏi: Vì sao khi giá một mặt hàng tăng cao, cả người sản xuất, người tiêu dùng và Nhà nước đều có thể phải điều chỉnh hành vi? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân 2 phút, sau đó trao đổi cặp đôi 3 phút. GV quan sát, hỗ trợ HS phân biệt chức năng “cung cấp thông tin” và “phân bổ nguồn lực”. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS nêu đáp án nổi và giải thích. GV mời nhóm khác	b) Chức năng của giá cả thị trường - Chức năng cung cấp thông tin: + Giá cả cho người mua, người bán biết tình hình cung - cầu, mức độ khan hiếm, sức mua, xu hướng thị trường. - Chức năng phân bổ nguồn lực: + Giá cả định hướng các nguồn lực dịch chuyển vào ngành, lĩnh vực có nhu cầu và hiệu quả cao hơn. - Chức năng công cụ để Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế: + Nhà nước có thể sử dụng chính sách giá, bình ổn giá, trợ giá, kiểm soát giá hàng thiết yếu để bảo vệ lợi ích chung.

phản biện: “Nếu giá bị thổi phồng bởi đầu cơ hoặc quảng cáo sai sự thật thì chức năng nào bị méo mó?”

Bước 4. Kết luận, nhận định:

GV chốt 3 chức năng của giá cả thị trường. Tích hợp AI [NLà]: GV đưa tình huống “Flash Sale ảo, chỉ còn 10 phút, chỉ còn 2 sản phẩm” do thuật toán hiển thị. HS nhận diện thủ thuật giá ảo/khan hiếm ảo làm sai lệch chức năng cung cấp thông tin của giá cả. GV nhấn mạnh người tiêu dùng cần so sánh giá, kiểm chứng thông tin [1.2.NC1a].

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

Phần A. Bài tập sgk

Hoạt động 3.1: Đánh giá hành vi tham gia thị trường

a) **Mục tiêu:** Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

b) **Nội dung:** Bài tập 2 (a, b, c, d - SGK tr.27).

c) **Sản phẩm:**

- Đồng tình: a, b, d.
- Phê phán: c (bán hàng giả).

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên sử dụng **kỹ thuật ôbi (Hỏi đáp 1-1)** tại chỗ. Học sinh bàn trên quay xuống bàn dưới tạo thành cặp đôi. Giáo viên chiếu 4 hành vi trong SGK. Học sinh A hỏi, học sinh B trả lời lý do đúng/sai, sau đó đổi vai.

Câu hỏi khai thác sâu: *"Hành vi (c) siêu thị nhập hàng không rõ nguồn gốc dán nhãn giả vi phạm quy luật nào? Yếu tố đạo đức và pháp luật ở đâu trong trường hợp này?"*

- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh trao đổi luân phiên, lập luận bảo vệ quan điểm.

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Giáo viên gọi ngẫu nhiên một số cặp đứng lên trình bày đáp án đã thống nhất.

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:** Giáo viên nhận xét, nhấn mạnh: Sự thích ứng linh hoạt (chuyển đổi cây trồng, tiêu dùng) là ưu điểm, nhưng việc gian lận nhãn mác (hàng giả) là khuyết tật cần pháp luật trừng trị.

Hoạt động 3.2: Xử lý tình huống kinh doanh

a) **Mục tiêu:** Vận dụng lý thuyết giải quyết mâu thuẫn thực tiễn.

b) **Nội dung:** Phân tích Tình huống (a) Bài tập 3 (SGK tr.27) về việc mở quán phở.

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập số 2 hoàn thiện. Lập luận dựa trên quy luật cạnh tranh.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên giao **Phiếu học tập số 2: Góc khuất thị trường**.

Giáo viên tổ chức **Tranh biệnngắn**. Chia lớp thành 2 phe: Phe ỦNG HỘ MỞ và Phe KHUYÊN KHÔNG MỞ.

Câu hỏi: *"Nếu em quyết định mở quán thứ 3, em sẽ dùng chiến lược nào để chiến thắng 2 quán cũ dựa trên ưu điểm của cơ chế thị trường?"*

- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh điền thông tin vào phiếu, các phe thảo luận nhanh để tìm luận điểm.

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 2 phe đứng lên tranh biện đối kháng.

+ (Phe Không mở: Sợ rủi ro, cung vượt cầu.

+ Phe Mở: Tin vào sự cạnh tranh, đổi mới dịch vụ).

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:**

Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức: Trong cơ chế thị trường, việc mở quán hoàn toàn hợp lý nếu chủ thể áp dụng ưu điểm thị trường (cải tiến chất lượng, thái độ phục vụ, giá cả) để tạo

lợi thế cạnh tranh.

Bài tập 2 (SGK tr.27):

- **Hành vi a (Đúng):** Linh hoạt phân bổ nguồn lực theo tín hiệu giá cả. Cần lưu ý rủi ro cung vượt cầu.
- **Hành vi b (Đúng):** Khảo sát nhu cầu thị trường trước khi kinh doanh là tuân thủ quy luật.
- **Hành vi c (Sai):** Phê phán gay gắt. Bán hàng giả, không rõ nguồn gốc vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh.
- **Hành vi d (Đúng):** Sự điều chỉnh hành vi tiêu dùng hợp lý khi giá tăng (chức năng cung cấp thông tin).

Bài tập 3 - Tình huống a (SGK tr.27):

- Quyết định mở hay không phụ thuộc vào chiến lược cạnh tranh của chủ thể.
- Nếu mở: Phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt. Cần có lợi thế (chất lượng, giá cả, thái độ phục vụ) để tồn tại.
- Tác động: Cạnh tranh buộc các quán cũ cũng phải nâng cao chất lượng. Người tiêu dùng là đối tượng được hưởng lợi cuối cùng.

Phần B. Câu hỏi trắc nghiệm

a) Mục tiêu:

Học sinh nhận biết, hiểu và vận dụng được kiến thức về khái niệm, yếu tố cấu thành và ưu điểm của cơ chế thị trường.

b) Nội dung:

Học sinh trả lời 12 câu hỏi, gồm: 4 câu nhận biết, 5 câu thông hiểu, 2 câu vận dụng, 1 câu đúng/sai.

c) Sản phẩm:

Phiếu trả lời trắc nghiệm của học sinh; phần giải thích ngắn đối với các câu thông hiểu, vận dụng và đúng/sai.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát phiếu hoặc trình chiếu câu hỏi.

Câu 1. Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế

- A. vận hành hoàn toàn theo mệnh lệnh hành chính.
- B. mang tính tự điều chỉnh theo các quy luật kinh tế.
- C. chỉ do Nhà nước quy định giá cả và sản lượng.
- D. không chịu tác động của cung cầu và giá cả.

Câu 2. Yếu tố nào sau đây thuộc cơ chế thị trường?

- A. Kế hoạch, bao cấp, chỉ tiêu, mệnh lệnh.
- B. Ngân sách, thủ tục, công văn, hồ sơ.
- C. Cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận.
- D. Địa hình, khí hậu, dân số, tài nguyên.

Câu 3. Trong cơ chế thị trường, “bàn tay vô hình” chủ yếu dùng để chỉ vai trò

- A. quản lý trực tiếp mọi hoạt động sản xuất.
- B. thay thế toàn bộ vai trò của người tiêu dùng.
- C. loại bỏ sự vận động của các chủ thể kinh tế.
- D. tự điều tiết nền kinh tế thông qua các quy luật thị trường.

Câu 4. Một ưu điểm của cơ chế thị trường là

- A. làm cho doanh nghiệp không cần đổi mới.
- B. kích thích tính năng động, sáng tạo của chủ thể kinh tế.
- C. hạn chế ứng dụng công nghệ vào sản xuất.
- D. làm giảm năng suất lao động của xã hội.

Câu 5. Cạnh tranh trong cơ chế thị trường có thể thúc đẩy đổi mới sản xuất?

- A. Vì cạnh tranh làm cho mọi doanh nghiệp ngừng sản xuất.
- B. Vì cạnh tranh khiến người mua không còn lựa chọn hàng hóa.
- C. Vì doanh nghiệp phải cải tiến để nâng chất lượng, giảm chi phí.
- D. Vì doanh nghiệp không cần quan tâm đến nhu cầu thị trường.

Câu 6. Khi nhu cầu mua một mặt hàng tăng, giá cả có xu hướng tăng và người sản xuất mở rộng sản xuất. Hiện tượng này thể hiện tác động của

- A. thủ tục hành chính và hồ sơ kinh doanh.
- B. cung – cầu, giá cả trong cơ chế thị trường.
- C. khí hậu, dân số trong hoạt động sản xuất.
- D. mệnh lệnh bắt buộc từ người tiêu dùng.

Câu 7. Cơ chế thị trường phân bổ nguồn lực hiệu quả vì

- A. mọi nguồn lực đều được chia đều cho các ngành.
- B. Nhà nước quyết định toàn bộ lợi nhuận doanh nghiệp.
- C. người sản xuất không cần tính toán chi phí.
- D. nguồn lực có xu hướng chuyển đến nơi có nhu cầu và lợi ích cao hơn.

Câu 8. Nhận định nào giải thích đúng tác động của lợi nhuận trong cơ chế thị trường?

- A. Lợi nhuận làm cho chủ thể kinh tế không cần tính toán.
- B. Lợi nhuận tạo động lực để chủ thể kinh tế lựa chọn hoạt động hiệu quả.
- C. Lợi nhuận làm triệt tiêu mọi nhu cầu của người tiêu dùng.
- D. Lợi nhuận khiến sản xuất tách rời hoàn toàn thị trường.

Câu 9. Cơ chế thị trường góp phần thỏa mãn tốt hơn nhu cầu con người vì

- A. hàng hóa, dịch vụ có xu hướng được sản xuất theo nhu cầu xã hội.
- B. người sản xuất chỉ làm theo sở thích riêng của mình.
- C. người tiêu dùng không tác động đến sản xuất.
- D. giá cả luôn cố định trong mọi điều kiện.

Câu 10. Một cửa hàng nhận thấy học sinh có nhu cầu mua đồ dùng học tập thân thiện môi trường nên chuyển sang bán vở tái chế, bút giấy và túi vải. Việc làm này thể hiện cơ chế thị trường đã

- A. làm cho cửa hàng ngừng quan tâm đến khách hàng.
- B. buộc cửa hàng chỉ bán sản phẩm truyền thống.
- C. định hướng sản xuất, kinh doanh theo nhu cầu tiêu dùng.
- D. loại bỏ hoàn toàn vai trò của giá cả thị trường.

Câu 11. Hai cơ sở sản xuất cùng bán một loại bánh. Cơ sở A cải tiến bao bì, bảo đảm an toàn thực phẩm, giá hợp lý nên bán được nhiều hơn. Trường hợp này cho thấy cơ chế thị trường

- A. khuyến khích chủ thể kinh tế năng động, sáng tạo để cạnh tranh
- B. làm cho sản phẩm kém chất lượng luôn được lựa chọn.
- C. khiến người tiêu dùng không thể lựa chọn hàng hóa.
- D. triệt tiêu hoàn toàn động lực đổi mới sản xuất.

IV. Câu hỏi đúng/sai

Câu 12. Đọc tình huống sau và xác định đúng/sai.

Ở địa phương X, nhu cầu sử dụng rau sạch tăng cao. Nhiều hộ sản xuất chuyển sang trồng rau an toàn, ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, cải tiến bao bì và điều chỉnh giá bán phù hợp. Một số hộ không bảo đảm chất lượng nên ít người mua, phải thay đổi cách sản xuất.

- a)** Nhu cầu rau sạch tăng đã tác động đến quyết định sản xuất của các hộ kinh doanh.
- b)** Việc ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước thể hiện sự năng động, sáng tạo của chủ thể kinh tế.
- c)** Trong cơ chế thị trường, người sản xuất không cần quan tâm đến chất lượng hàng hóa.
- d)** Cơ chế thị trường làm cho giá cả, cung – cầu và cạnh tranh không còn tác động đến sản xuất.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm bài cá nhân trong 10 phút.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh nêu đáp án, giải thích lí do lựa chọn.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án, nhấn mạnh vai trò tự điều chỉnh của cơ chế thị trường.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp học sinh chuyển hóa kiến thức thành sản phẩm thực tế, tích cực phát triển NLS.

b) Nội dung: Thực hiện dự án: Thiết kế sản phẩm truyền thông số về cơ chế thị trường.

c) Sản phẩm: Infographic/Poster số của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao dự án: "*Sử dụng phần mềm thiết kế (Canva), em hãy tạo 1 Infographic phân tích sự tác động của Cơ chế thị trường (Giá cả, Cung - Cầu) đến 1 sản phẩm quen thuộc (Ví dụ: Trà sữa, Khẩu trang, Xăng dầu).*" (Tích hợp NLS 3.1.NC1a). HS có thể dùng AI [NLc] để gợi ý bố cục hoặc câu hỏi tìm hiểu nhưng không được sao chép nguyên văn; phải kiểm chứng bằng SGK, nguồn tin đáng tin cậy [1.2.NC1a].

Yêu cầu học sinh có thể sử dụng AI (ChatGPT) để hỗ trợ lên dàn ý thông tin (Tích hợp AI NLc).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm cá nhân hoặc nhóm nhỏ tại nhà. HS tìm kiếm thông tin giá cả/cung cầu [1.1.NC1b], tạo sản phẩm số [3.1.NC1a], chia sẻ lên Padlet/Zalo lớp khi được GV yêu cầu [5.3.NC1a].

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận: HS nộp sản phẩm ở tiết sau. Có thể tổ chức bình chọn sản phẩm “phân tích đúng nhất”, “trình bày rõ nhất”, “sử dụng AI có trách nhiệm nhất”.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV công bố tiêu chí đánh giá và nhấn mạnh thông điệp: Người tham gia thị trường cần biết tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường, đồng thời phê phán hành vi gian lận, thao túng, làm hại người tiêu dùng và cộng đồng.

IV. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY, GIAO NHIỆM VỤ BÀI MỚI

Nhận xét: Học sinh tương tác tốt ở hoạt động tranh biện, giải đố. Kỹ thuật XYZ giúp mọi học sinh đều phải làm việc.

Rút kinh nghiệm: Theo dõi sát sao quá trình học sinh phản biện để tránh đi lệch trọng tâm sang các vấn đề không thuộc lĩnh vực kinh tế.

Giao nhiệm vụ bài mới: Học sinh đọc trước Bài 5: Ngân sách nhà nước. Tra cứu xem thuế gia đình đang nộp (ví dụ thuế VAT khi mua hàng) được sử dụng vào mục đích gì.

.....

PHỤ LỤC. PHIẾU HỌC TẬP, ĐÁP ÁN VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 - TIẾT 1: TỐI ƯU HÓA NGUỒN LỰC

Nhóm: Lớp:

Nhiệm vụ: Đọc thông tin về ngành dệt may Việt Nam trong SGK và hoàn thành các ô sau.

Câu hỏi	Phần trả lời của học sinh
1. Ngành dệt may đã cải tiến những gì để cạnh tranh?	
2. Những cải tiến đó thể hiện ưu điểm nào của cơ chế thị trường?	
3. Lấy một ví dụ doanh nghiệp/sản phẩm thực tế đang đổi mới theo nhu cầu thị trường.	
4. Câu hỏi chuyên sâu: Vì sao cạnh tranh vừa tạo áp lực vừa tạo động lực đổi mới?	

Gợi ý đáp án cho GV: cải tiến kỹ thuật, đầu tư máy móc, nâng cao quản lý, mẫu mã, chất lượng, sản phẩm thân thiện môi trường; ưu điểm: kích thích năng động sáng tạo, phân bổ nguồn lực hiệu quả, thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 - TIẾT 2: NHẬN DIỆN “KHUYẾT TẬT” THỊ TRƯỜNG

Họ và tên: Lớp:

Bước X - Ý kiến cá nhân: Từ thông tin SGK, hãy viết 3 hậu quả nếu chủ thể kinh tế chỉ chạy theo lợi nhuận mà bỏ qua đạo đức, pháp luật, môi trường.

1.
2.
3.

Bước Y - Góp ý của bạn: Ý kiến bổ sung

.....

Bước Z - Hoàn thiện: Lấy 1 ví dụ hành vi kinh doanh sai và nêu ai chịu thiệt hại cuối cùng.

Ví dụ:

Đối tượng chịu thiệt hại:

Gợi ý đáp án cho GV: rủi ro/khủng hoảng, hàng giả/gian lận/trốn thuế/găm hàng, ô nhiễm/cạn kiệt tài nguyên, phân hóa giàu nghèo; đối tượng chịu thiệt hại là người tiêu dùng, doanh nghiệp chân chính, Nhà nước, xã hội.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 - TIẾT 3: GIẢI MÃ “NGÔN NGỮ” THỊ TRƯỜNG VÀ CẠM BÃY AI

Họ và tên: Lớp:

Phần 1. Nối hiện tượng với chức năng của giá cả thị trường

Cột A - Hiện tượng thực tế	Cột B - Chức năng của giá cả
a. Giá báo hiệu cho người mua/người bán biết hàng hóa đang đắt lên hoặc rẻ đi.	1. Phân bổ nguồn lực
b. Nhà đầu tư chuyển vốn sang lĩnh vực có lợi nhuận cao.	2. Công cụ quản lý của Nhà nước
c. Nhà nước áp dụng trần giá, trợ giá, bình ổn giá với hàng thiết yếu.	3. Cung cấp thông tin

Đáp án nối: a - ; b - ; c -

Phần 2. Tình huống AI: Bạn A tìm mua giày, sau đó ứng dụng liên tục hiện “Flash Sale 50% - chỉ còn 10 phút”, “chỉ còn 2 sản phẩm”. Bạn A vội mua dù giá không rẻ hơn bình thường.

1. Thuật toán đã dùng thủ thuật gì để tác động tâm lý bạn A?

.....

2. “Giá ảo”, “khan hiếm ảo” làm sai lệch chức năng nào của giá cả thị trường? Vì sao?

.....

Gợi ý đáp án cho GV: a-3; b-1; c-2. Tình huống AI: thuật toán theo dõi hành vi tìm kiếm, tạo khan hiếm/giảm giá ảo, kích hoạt tâm lý FOMO; làm sai lệch chức năng cung cấp thông tin của giá cả, khiến người tiêu dùng ra quyết định không hợp lý.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 - TIẾT 3: CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Tình huống: Khu phố nơi em ở hiện đã có 2 quán phở. Nếu có ý định kinh doanh, em có mở thêm quán phở thứ 3 không? Vì sao?

[] Có mở quán thứ 3 [] Không mở quán thứ 3

Lập luận dựa trên cung - cầu, cạnh tranh, giá cả, rủi ro:

.....

Nếu chọn mở, chiến lược cạnh tranh của em là gì?

.....

Câu hỏi tích hợp quyền con người: Khi mở quán phở, em đang thực hiện quyền tự do kinh doanh như thế nào? Quyền này cần đi kèm những nghĩa vụ gì để không xâm phạm quyền của người tiêu dùng và cộng đồng?

Câu hỏi tích hợp PCTN/liêm chính: Nếu chủ quán “bôi trơn” để được bỏ qua kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, trốn thuế hoặc bán hàng kém chất lượng, em đánh giá hành vi đó ra sao? Cần làm gì để kinh doanh liên chính?

.....

Gợi ý đáp án cho GV: Không có đáp án tuyệt đối. Nếu không mở: căn cứ nguy cơ cung vượt cầu, chia nhỏ khách, rủi ro thua lỗ. Nếu mở: cần lợi thế cạnh tranh về chất lượng, giá, vệ sinh, dịch vụ, khác biệt hóa, đặt hàng số/QR/ứng dụng. Đánh giá dựa vào logic kinh tế và tính phù hợp đạo đức, pháp luật. Bổ sung đánh giá: Lập luận phải thể hiện quyền tự do kinh doanh gắn với tuân thủ pháp luật, vệ sinh an toàn thực phẩm, trung thực về giá cả/chất lượng, nộp thuế và không tiếp tay cho tiêu cực, tham nhũng.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM VẬN DỤNG CUỐI BÀI

Tiêu chí	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
Kiến thức kinh tế	Nêu đúng cơ chế thị trường, giá cả, cung - cầu, ưu/nhược điểm và chức năng giá cả; liên hệ chính xác.	Nêu được kiến thức cơ bản nhưng phân tích chưa sâu.	Còn nhầm lẫn hoặc thiếu kiến thức trọng tâm.
Phân tích thực tiễn	Có ví dụ cụ thể, dữ liệu/nguồn rõ, giải thích tác động đến người mua/người bán.	Có ví dụ nhưng nguồn hoặc phân tích còn chung.	Ví dụ mơ hồ, thiếu căn cứ.
Thái độ và giá trị	Thể hiện rõ thái độ tôn trọng quy luật thị trường, phê phán hàng giả, găm hàng, thao túng giá.	Có nêu thái độ nhưng chưa sâu.	Chưa thể hiện rõ thái độ hoặc thiếu liên hệ đạo đức/pháp luật.
Sản phẩm số/trình bày	Bố cục rõ, đẹp, dễ hiểu, có hình ảnh/bảng/sơ đồ phù hợp.	Trình bày đủ nội dung, còn đơn giản.	Sản phẩm sơ sài, khó theo dõi.

Sử dụng AI/số an toàn	Có ghi rõ cách dùng AI/công cụ số, có kiểm chứng nguồn, không sao chép.	Có dùng công cụ số/AI nhưng kiểm chứng chưa rõ.	Sao chép máy móc hoặc không ghi nguồn kiểm chứng.
Tích hợp quyền con người và PCTN/liêm chính	Liên hệ rõ quyền tự do kinh doanh, quyền người tiêu dùng, quyền kinh doanh bình đẳng; phê phán hành vi gian lận, hối lộ, nhũng nhiễu, trốn thuế, găm hàng, thao túng giá và đề xuất ứng xử liên chính.	Có liên hệ quyền kinh doanh hoặc PCTN nhưng còn khái quát, giải pháp chưa cụ thể.	Chưa thể hiện được mối liên hệ giữa kiến thức thị trường với quyền con người, PCTN hoặc nêu còn sai lệch.

Tiết 13,14,15

Ngày soạn: 5/10/2026

CHỦ ĐỀ 3: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ

BÀI 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.

Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước.

Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Về năng lực (Đặc thù môn GDKT&PL):

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận thức được trách nhiệm của bản thân và gia đình trong việc chấp hành quy định pháp luật về ngân sách nhà nước; đánh giá, tự điều chỉnh và nhắc nhở người khác thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế, phí.

Năng lực tìm hiểu và tham gia HĐ KT-XH: Tìm hiểu các quy định pháp luật về ngân sách nhà nước; bước đầu tham gia giám sát các hoạt động thu, chi tài chính công tại địa phương phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất:

Trung thực: Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về tài chính công, lên án các hành vi gian lận, trốn thuế hoặc tham ô, lãng phí ngân sách.

Trách nhiệm: Thể hiện ý thức bảo vệ, giữ gìn các tài sản, công trình công cộng được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước.

Yêu nước: Thể hiện tinh thần sẵn sàng đóng góp xây dựng đất nước thông qua việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

4. Nội dung tích hợp:

Phòng chống tham nhũng: nhận diện, phê phán hành vi chi sai mục đích, lập danh sách hỗ trợ

không đúng đối tượng, trục lợi chính sách, thiếu công khai minh

bạch; rèn thái độ tôn trọng kỉ luật tài chính công.

Phòng chống tác hại của thuốc lá: liên hệ vai trò ngân sách trong chi y tế dự phòng, truyền thông

bảo vệ sức khỏe, giảm gánh nặng kinh tế - xã hội do thuốc

lá/thuốc lá điện tử gây ra; hình thành ý thức không sử dụng và không tiếp tay cho thuốc lá trong học

đường.

Đạo đức, lối sống, quyền con người: tôn trọng quyền được sử dụng dịch vụ công, quyền được cung

cấp thông tin và tham gia giám sát; thực hiện nghĩa vụ tài

chính và nghĩa vụ sử dụng nguồn lực công đúng mục đích.

NLS và AI: tìm kiếm, kiểm chứng dữ liệu ngân sách; dùng AI có trách nhiệm để hỗ trợ học tập,

không thay thế tư duy độc lập, không sao chép máy móc.

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu/tivi, điện thoại thông minh phục vụ tra cứu tại chỗ, bảng phụ, hệ thống thẻ màu (Xanh/Đỏ).

2. Học liệu: Sách giáo khoa, Sách giáo viên GDKT&PL 10 (Bộ Kết nối tri thức); hình ảnh các công trình công cộng; Phiếu học tập số 1, Phiếu học tập số 2.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1. KHÁI NIỆM, HỆ THỐNG, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU - Trò chơi “ngân sách quanh em” (5 phút)

a) Mục tiêu: Kích hoạt hiểu biết ban đầu của HS về nguồn tài chính công; tạo tình huống có vấn đề: nhiều công trình, dịch vụ công trong đời sống được duy trì từ ngân sách nhà nước và người dân vừa đóng góp, vừa hưởng lợi.

b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi nhận diện nhanh qua 6 thẻ/hình ảnh: trường công lập, bệnh viện công, đường giao thông, hỗ trợ thiên tai, công viên công cộng, hoạt động truyền thông phòng chống thuốc lá trong trường học.

HS xác định thẻ nào liên quan ngân sách nhà nước và giải thích ngắn.

c) Sản phẩm: HS nêu được: các công trình/dịch vụ công cần nguồn lực ngân sách; người dân đóng góp qua thuế, phí, lệ phí và hưởng lợi thông qua dịch vụ công, chính sách xã hội, hạ tầng, y tế, giáo dục.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:

GV nêu tên trò chơi, chia lớp thành 2 dãy thi đua. Mỗi dãy có 3 lượt trả lời. Luật chơi: mỗi lượt quan sát 1 thẻ trong 10 giây, trả lời theo mẫu “Có/không liên quan ngân sách nhà nước - vì sao?”.

Trả lời đúng được 1 điểm; giải thích có từ khóa “thu, chi, dịch vụ công, lợi ích chung” được thêm 1 điểm.

Câu hỏi giao nhiệm vụ:

(1) Công trình/hoạt động trong thẻ cần nguồn tiền từ đâu?

(2) Người dân/HS liên quan đến nguồn tiền đó như thế nào?

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát thẻ, trao đổi nhanh trong dãy, cử đại diện trả lời.

HS còn lại ghi nhanh 2 từ khóa vào vở: “nguồn tiền” và “lợi ích”.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời.

Gợi ý đáp án: Trường công, bệnh viện công, đường giao thông, hỗ trợ thiên tai, công viên công cộng, truyền thông phòng chống thuốc lá đều có thể liên quan ngân sách nhà nước vì phục vụ lợi ích chung; người dân đóng góp theo pháp luật và hưởng lợi thông qua dịch vụ công/chính sách xã hội.

Câu hỏi vận dụng: Nếu mọi người đều muốn hưởng dịch vụ công nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng góp theo quy định thì điều gì có thể xảy ra?

Gợi ý trả lời: Nguồn lực công suy giảm, Nhà nước khó duy trì dịch vụ công, xã hội thiếu công bằng, người yếu thế bị ảnh hưởng.

Bước 4 - Kết luận, nhận định: GV nhận xét tinh thần tham gia, chuẩn hóa nhận thức ban đầu.

GV chốt: Nhiệm vụ mở đầu đã giúp HS giải quyết vấn đề “ngân sách nhà nước có ở đâu trong đời sống và công dân liên quan như thế nào”.

Ngân sách nhà nước là nguồn tài chính quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ; công dân vừa có nghĩa vụ đóng góp, vừa có quyền hưởng lợi và giám sát.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nhiệm vụ 1: Khái niệm, hệ thống, thu/chi và đặc điểm của ngân sách

a) Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được khái niệm và phân tích các đặc điểm cơ bản của ngân sách nhà nước.

Giúp học sinh phân tích các thông tin thực tế để rút ra 4 vai trò của ngân sách.

- Tích hợp AI (NLc): Sử dụng AI tra cứu dự toán số liệu thực tế.

b) Nội dung: Học sinh đọc SGK tr.30, sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy phân nhánh cặp đôi để phân tích từ khóa làm rõ khái niệm, đặc điểm.

Học sinh sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, phân tích các trường hợp 1, 2, 3 (SGK tr.32) hoàn thành phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Sơ đồ tư duy mini của học sinh làm rõ bản chất (tính pháp lý, sở hữu, hoàn trả, thời gian).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, quan sát Hình 1 về các khoản thu, chi ngân sách nhà nước và hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo cặp đôi. Nhiệm vụ: 1. Ngân sách nhà nước gồm những khoản nào? 2. Hệ thống ngân sách nhà nước gồm những bộ phận nào? 3. Ai/cơ quan nào có thẩm quyền quyết định các khoản thu, chi ngân sách? 4. Mục đích của thu, chi ngân sách nhà nước là gì? 5. Vì sao nói thu, chi ngân sách không hoàn trả trực tiếp cho từng cá nhân? 6. Từ các câu trả lời, hãy rút ra khái niệm và 4 đặc điểm của ngân sách nhà nước. Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cặp đôi. HS A đọc phần khái niệm, gạch chân các từ khóa “thu”, “chi”, “dự toán”, “thời gian nhất định”, “cơ quan có thẩm quyền”, “chức năng, nhiệm vụ”. HS B đọc phần hệ thống, thu/chi và đặc điểm, gạch chân “ngân sách trung ương”, “ngân sách địa phương”, “pháp lí cao”, “lợi ích chung”, “không hoàn trả trực tiếp”. Hai HS thống nhất câu trả lời vào phiếu. GV quan sát, hỗ trợ HS yếu bằng câu hỏi gợi mở: “Khoản thu nào thường gặp trong đời sống?”, “Vì sao Nhà nước phải dự toán trước khi chi?”, “Nếu cơ quan tự ý chi tiền công không theo luật thì có rủi ro gì?”. Tích hợp NLS an toàn: HS có thiết bị được tra từ khóa “công khai ngân sách nhà nước” để nhận diện nguồn chính thống; HS không có thiết bị dùng dữ liệu in sẵn. GV nhắc: không dùng mạng xã hội hoặc câu trả lời AI làm căn cứ cuối cùng. Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: Đại diện 2 cặp trình bày. Cặp 1 trả lời câu 1, 2, 3; cặp 2 trả lời câu 4, 5, 6. HS lớp nhận xét theo tiêu chí: đúng SGK, đủ từ khóa, giải thích được bản chất. Gợi ý đáp án: 1. Ngân sách nhà nước gồm toàn bộ các khoản thu và chi của Nhà nước. 2. Hệ thống ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. 3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản	1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước a) Khái niệm: Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. + Hệ thống ngân sách nhà nước - Gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. - Ngân sách trung ương: các khoản thu phân cấp cho cấp Trung ương hưởng và các khoản chi thuộc nhiệm vụ chi của cấp Trung ương. - Ngân sách địa phương: các khoản thu phân cấp cho địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương và các khoản chi thuộc nhiệm vụ chi của địa phương. + Một số khoản thu, chi ngân sách nhà nước - Thu: thuế, lệ phí, phí từ dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện; phí từ dịch vụ công; viện trợ không hoàn lại; tài trợ, đóng góp tự nguyện; các khoản thu khác theo quy định. - Chi: chi đầu tư phát triển; chi dự trữ quốc gia; chi thường xuyên; chi trả nợ lãi; chi viện trợ; các khoản chi khác theo quy định b) Đặc điểm: - Có tính pháp lí cao; việc tạo lập và sử dụng ngân sách dựa trên Luật Ngân sách nhà nước và văn bản pháp luật liên quan. - Nhà nước là đại diện chủ sở hữu, đồng thời là chủ thể có quyền quyết định các khoản thu, chi ngân sách nhà nước. - Hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội. - Hoạt động thu, chi ngân sách thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả

lí. 4. Mục đích là bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và phục vụ lợi ích chung của xã hội. 5. Không hoàn trả trực tiếp vì người dân hưởng lợi gián tiếp qua đường sá, trường học, bệnh viện, quốc phòng, an sinh, dịch vụ công. 6. Đặc điểm: tính pháp lí cao; Nhà nước đại diện chủ sở hữu/quyết định thu chi; hướng tới lợi ích chung; thu, chi không hoàn trả trực tiếp. Câu hỏi vận dụng - phát triển tư duy: Nếu một khoản chi ngân sách không được dự toán, không đúng thẩm quyền, nhưng được giải thích là “để giải quyết việc gấp”, em có đồng tình không? Vì sao? Gợi ý trả lời: Không đồng tình nếu khoản chi không đúng quy định, vì ngân sách nhà nước mang tính pháp lí cao; mọi khoản thu, chi phải theo pháp luật, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch. Trường hợp khẩn cấp vẫn phải thực hiện theo cơ chế dự phòng/dự trữ và chịu trách nhiệm giải trình. Bước 4 - Kết luận, nhận định: Giáo viên đánh giá khả năng xử lý thông tin và kết quả của học sinh. GV chuẩn hóa kiến thức bằng sơ đồ 4 nhánh: Khái niệm - Hệ thống - Thu/chi - Đặc điểm. GV nhận xét sản phẩm cặp đôi, sửa các lỗi thường gặp: nhầm ngân sách với tiền riêng của cơ quan; nhầm “không hoàn trả trực tiếp” với “không được hưởng lợi”. GV chốt nội dung cốt lõi: Nhiệm vụ này đã giúp HS giải quyết vấn đề “ngân sách nhà nước là gì, do ai quyết định, gồm những bộ phận nào và khác quỹ tiền thông thường ở điểm nào”. Ngân sách nhà nước không phải tiền riêng của bất kì cơ quan hay cá nhân nào, mà là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước, được dự toán, quyết định và thực hiện theo pháp luật nhằm bảo đảm chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và lợi ích chung của xã hội.	trực tiếp.
---	-------------------

Nhiệm vụ 2: Vai trò của ngân sách nhà nước (17 phút)

a) Mục tiêu

Học sinh trình bày và phân tích được các vai trò chủ yếu của ngân sách nhà nước; giải thích được lợi ích của ngân sách nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp và xã hội; nhận biết được hậu quả có thể xảy ra khi ngân sách không đáp ứng được yêu cầu thực hiện từng vai trò.

b) Nội dung

Học sinh khai thác thông tin trong SGK, thảo luận theo nhóm và hoàn thành bảng nhiệm vụ “**Tình huống – Vai trò – Lợi ích – Nếu thiếu ngân sách**” đối với bốn vai trò:

Bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Là công cụ quản lý, điều tiết kinh tế vĩ mô. Bảo đảm an sinh xã hội và ứng phó với các rủi ro. Thúc đẩy hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

c) Sản phẩm học tập

Bảng kết quả thảo luận của từng nhóm, trong đó xác định đúng:

Tình huống hoặc chi tiết trong SGK. Vai trò tương ứng của ngân sách nhà nước. Lợi ích đối với người dân, doanh nghiệp và xã hội. Hậu quả có thể xảy ra nếu thiếu nguồn ngân sách để thực hiện vai trò đó. Học sinh trình bày được kết quả bằng lập luận rõ ràng, sử dụng đúng thuật ngữ kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức hoạt động nhóm chính của tiết 1. Lớp chia 4 nhóm, mỗi nhóm nhận một mảnh thông tin SGK và bảng nhiệm vụ “Tình huống - Vai trò - Lợi ích - Nếu thiếu ngân sách”. Nhóm 1: Ngân sách bảo đảm hoạt động bộ máy nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Nhóm 2: Ngân sách là công cụ quản lý, điều tiết kinh tế vĩ mô. Nhóm 3: Ngân sách bảo đảm an sinh xã hội và ứng phó rủi ro. Nhóm 4: Ngân sách thúc đẩy đối ngoại và hội nhập quốc tế. Câu hỏi giao nhiệm vụ: 1. Tình huống/chi tiết trong SGK thể hiện vai trò nào của ngân sách nhà nước? 2. Vai trò đó đem lại lợi ích gì cho người dân, doanh nghiệp, xã hội? 3. Nếu thiếu ngân sách cho vai trò đó, hậu quả có thể là gì? 4. Hãy nêu một ví dụ ở địa phương hoặc trong đời sống học sinh. Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm 5 phút. Nhóm phân công: 1 thư kí ghi bảng, 1 bạn đọc SGK, 1 bạn liên hệ thực tế, 1 bạn trình bày. GV đi tới từng nhóm, nhắc HS không chỉ nêu tên vai trò mà phải chỉ ra “vai trò đó giải quyết vấn đề gì”. Tích hợp PCTHTL: GV giao thêm cho nhóm 3 câu hỏi phụ: “Ngân sách chi cho y tế dự phòng và truyền thông phòng chống thuốc lá/thuốc lá điện tử liên quan đến vai trò nào? Vì sao?”. Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: Mỗi nhóm trình bày tối đa 1 phút. Nhóm khác dùng câu hỏi phản biện: “Ví dụ của nhóm có chứng minh vai trò đã nêu không?”, “Nếu thiếu khoản chi đó, ai bị ảnh hưởng?”. Gợi ý đáp án: - Nhóm 1: Ngân sách bảo đảm bộ máy nhà nước, quốc phòng, an ninh, trường học, bệnh viện, dịch	2. Vai trò của ngân sách nhà nước 1. Bảo đảm hoạt động bộ máy nhà nước và cung cấp dịch vụ công - Là nguồn tài chính chủ yếu để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước, quốc phòng, an ninh. - Cung cấp các dịch vụ công thiết yếu: giáo dục, y tế, giao thông, công trình công cộng. 2. Công cụ quản lý, điều tiết kinh tế vĩ mô - Giúp Nhà nước tác động vào tổng cầu, ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát, bình ổn giá cả. - Định hướng phát triển ngành, vùng kinh tế trọng điểm. 3. Bảo đảm an sinh xã hội và ứng phó rủi ro - Hình thành quỹ dự trữ, dự phòng để xử lý thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng. - Thực hiện chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, hỗ trợ đối tượng chính sách, người dân, người lao động. - Liên hệ PCTHTL: ngân sách chi cho y tế dự phòng, truyền thông sức khỏe, phòng chống tác hại thuốc lá góp phần giảm gánh nặng bệnh tật và chi phí xã hội. 4. Thúc đẩy đối ngoại và hội nhập quốc tế - Tạo nguồn lực cho hợp tác quốc tế, tài trợ, hỗ trợ phát triển. - Góp phần nâng cao vị thế quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế toàn cầu.

vụ công. Nếu thiếu ngân sách, bộ máy và dịch vụ công khó vận hành ổn định.

- Nhóm 2: Ngân sách giúp Nhà nước điều tiết kinh tế, ổn định thị trường, bình ổn giá, hỗ trợ ngành/vùng cần ưu tiên. Nếu thiếu, Nhà nước khó xử lý biến động kinh tế.

- Nhóm 3: Ngân sách hỗ trợ người yếu thế, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, y tế dự phòng, phòng chống tác hại thuốc lá. Nếu thiếu, rủi ro xã hội và gánh nặng y tế tăng.

- Nhóm 4: Ngân sách tạo nguồn lực cho đối ngoại, hợp tác quốc tế, viện trợ/hỗ trợ phát triển, hội nhập quốc tế.

Câu hỏi vận dụng: Vì sao ngân sách nhà nước vừa phải chi cho phát triển kinh tế, vừa phải chi cho y tế, giáo dục, phòng chống tác hại thuốc lá và an sinh xã hội?

Gợi ý trả lời: Vì ngân sách hướng tới lợi ích chung và phát triển bền vững. Phát triển kinh tế tạo nền tảng tăng trưởng; y tế, giáo dục, phòng chống tác hại thuốc lá và an sinh xã hội bảo vệ con người, giảm rủi ro, bảo đảm công bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:** Giáo viên đánh giá kết quả.

GV đánh giá nhóm theo tiêu chí: đúng vai trò, có căn cứ SGK, giải thích được lợi ích, có ví dụ phù hợp. GV chuẩn hóa 4 vai trò bằng sơ đồ: Bộ máy và dịch vụ công - Điều tiết kinh tế - An sinh và rủi ro - Đối ngoại và hội nhập.

GV chốt nội dung cốt lõi: Nhiệm vụ này đã giúp HS giải quyết vấn đề “ngân sách nhà nước dùng để làm gì và vì sao ngân sách gắn với lợi ích chung của xã hội”. Ngân sách nhà nước không chỉ để chi tiêu hành chính mà còn là công cụ để Nhà nước duy trì dịch vụ công, điều tiết kinh tế, bảo đảm an sinh, xử lý rủi ro và thúc đẩy hội nhập.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP - Khái niệm, đặc điểm, vai trò (5 phút)

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức về khái niệm, hệ thống, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước; rèn năng lực nhận diện và giải thích ngắn.

b) Nội dung: HS trả lời 6 câu trắc nghiệm bằng thẻ A-B-C-D hoặc bảng con. Sau mỗi câu, HS phải giải thích một câu ngắn vì sao chọn đáp án.

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng và giải thích ngắn của HS.

d) Tổ chức thực hiện: Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu “chọn đáp án và giải thích bằng 1 câu”.

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nhanh câu hỏi, giơ thẻ đáp án.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 HS giải thích ở mỗi câu; HS khác bổ sung nếu cần.

Câu 1: Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Ngân sách nhà nước. **B.** Tài chính doanh nghiệp.

C. Quỹ dự trữ quốc gia. **D.** Nguồn vốn viện trợ.

Đáp án đúng: A.

Giải thích: định nghĩa về Ngân sách nhà nước trong Luật Ngân sách nhà nước 2015 và SGK Lớp 10.

Yêu cầu cần đạt: Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.

Mức độ nhận thức: Nhận biết (M1).

Mã năng lực: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội (NL III).

Câu 2: Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hệ thống ngân sách nhà nước bao gồm **A.** ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. **B.** ngân sách quốc gia và ngân sách doanh nghiệp.

C. ngân sách chính phủ và ngân sách tư nhân. **D.** ngân sách nhà nước và ngân sách gia đình.

Đáp án đúng: A.

Giải thích: Theo Điều 6 Luật NSNN 2015 (cập nhật theo Thông tư 17), hệ thống ngân sách gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã).

Yêu cầu cần đạt: Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước (thuộc phần cấu trúc hệ thống).

Mức độ nhận thức: Nhận biết (M1).

Mã năng lực: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội (NL III).

Câu 3: Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước phải được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước là phản ánh đặc điểm nào sau đây?

A. Tính pháp lý cao. **B.** Tính hoàn trả trực tiếp. **C.** Tính độc quyền sở hữu. **D.** Tính phân chia lợi nhuận.

Đáp án đúng: A.

Giải thích: Mọi hoạt động thu, chi ngân sách đều do Quốc hội quyết định và phê chuẩn bằng Luật, bắt buộc các chủ thể tuân thủ, thể hiện tính pháp lý cao.

Yêu cầu cần đạt: Liệt kê được đặc điểm của ngân sách nhà nước.

Mức độ nhận thức: Thông hiểu (M2).

Mã năng lực: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội (NL III).

Câu 4: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của ngân sách nhà nước trong việc giải quyết các quan hệ lợi ích?

A. Hướng tới mục tiêu lợi ích chung của toàn xã hội.

B. Phục vụ riêng cho lợi ích của cơ quan nhà nước.

C. Ưu tiên lợi ích cho các doanh nghiệp nộp thuế.

D. Phân chia lợi nhuận trực tiếp cho người đóng góp.

Đáp án đúng: A.

Giải thích: Ngân sách nhà nước không phục vụ lợi ích cục bộ mà hướng tới giải quyết lợi ích chung của quốc gia (xây điện, đường, trường, trạm).

Yêu cầu cần đạt: Liệt kê được đặc điểm của ngân sách nhà nước.

Mức độ nhận thức: Thông hiểu (M2).

Mã năng lực: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội (NL III).

Câu 5: Việc Nhà nước sử dụng nguồn tài chính từ quỹ dự phòng ngân sách để hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra là thể hiện vai trò nào sau đây của ngân sách nhà nước?

A. Công cụ bảo đảm an sinh xã hội và ứng phó rủi ro.

B. Công cụ quản lý và điều tiết nền kinh tế vĩ mô.

C. Duy trì hoạt động của bộ máy quản lý hành chính.

D. Thúc đẩy hợp tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Đáp án đúng: A.

Giải thích: Hỗ trợ bão lũ là việc ứng phó với tình huống đột xuất, giúp người dân ổn định

cuộc sống, thuộc vai trò bảo đảm an sinh xã hội. Các phương án B, C, D là các vai trò khác của NSNN được dùng làm bấy nhiêu.

Yêu cầu cần đạt: Liệt kê được vai trò của ngân sách nhà nước.

Mức độ nhận thức: Thông hiểu (M2).

Mã năng lực: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội (NL III).

Câu 6: Nội dung nào sau đây giải thích đúng đặc điểm "không hoàn trả trực tiếp" của ngân sách nhà nước?

- A. Người nộp thuế được hưởng lợi gián tiếp thông qua các dịch vụ công cộng.
- B. Người nộp thuế được nhận lại đúng số tiền tương ứng đã đóng góp.
- C. Nhà nước chia đều quỹ ngân sách cho mọi công dân trong xã hội.
- D. Nhà nước hoàn trả tiền mặt cho những người gặp khó khăn tài chính.

Đáp án đúng: A.

Giải thích: Không hoàn trả trực tiếp nghĩa là người đóng góp không nhận lại tiền mặt, mà nhận lại giá trị thông qua việc Nhà nước xây dựng cầu đường, trường học, bệnh viện (hưởng lợi gián tiếp).

Yêu cầu cần đạt: Liệt kê được đặc điểm của ngân sách nhà nước.

Mức độ nhận thức: Thông hiểu (M2).

Mã năng lực: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội (NL III).

Bước 4 - Kết luận, nhận định: GV chốt: Nhiệm vụ luyện tập đã giúp HS giải quyết vấn đề “nhận diện đúng thuật ngữ và tránh nhầm lẫn bản chất của ngân sách nhà nước”. HS cần nhớ: ngân sách là khoản thu, chi của Nhà nước theo luật, phục vụ lợi ích chung, không hoàn trả trực tiếp nhưng người dân được hưởng lợi gián tiếp.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG - Ngân sách trong đời sống (3 phút giao nhiệm vụ ngoài giờ)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để quan sát đời sống, nhận diện vai trò của ngân sách nhà nước ở địa phương/trường học.

b) Nội dung: Nhiệm vụ sau giờ học: mỗi HS chọn một công trình/dịch vụ công ở địa phương hoặc trong trường học có liên quan đến ngân sách nhà nước, viết 5-7 dòng theo mẫu: tên công trình/dịch vụ; ngân sách có thể tham gia ở khâu nào; người dân/HS được hưởng lợi ra sao; cần sử dụng, bảo vệ như thế nào.

c) Sản phẩm: Đoạn viết 5-7 dòng hoặc ảnh chụp công trình/dịch vụ kèm chú thích ngắn. Không yêu cầu HS tự xác định số tiền ngân sách nếu không có nguồn chính thống.

d) Tổ chức thực hiện: Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ và tiêu chí: đúng kiến thức, có liên hệ thực tế, trình bày rõ, không đưa ảnh cá nhân người khác khi chưa được đồng ý.

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện ở nhà; nếu dùng nguồn số phải ghi nguồn; nếu dùng AI chỉ để gợi ý cấu trúc, không sao chép.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: Đầu tiết 2, 2-3 HS chia sẻ nhanh sản phẩm.

Gợi ý sản phẩm: “Đường liên xã/trường học/trạm y tế là công trình/dịch vụ công có thể được ngân sách đầu tư hoặc hỗ trợ; người dân hưởng lợi qua đi lại, học tập, khám chữa bệnh; công dân cần bảo vệ, sử dụng tiết kiệm, không phá hoại, không lãng phí”.

Bước 4 - Kết luận, nhận định: GV chốt: Nhiệm vụ vận dụng đã giúp HS giải quyết vấn đề “kiến thức ngân sách không xa lạ mà gắn với công trình, dịch vụ công hằng ngày”. Từ đó, HS hình thành trách nhiệm sử dụng và bảo vệ nguồn lực công.

TIẾT 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HÀNH VI CHẤP HÀNH/VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU - Trò chơi xác định : Quyền - Nghĩa vụ - Vi phạm” (5 phút)

a) Mục tiêu: Kết nối kiến thức tiết 1 với nội dung quyền, nghĩa vụ của công dân; tạo tình

huống có vấn đề: công dân không đứng ngoài ngân sách nhà nước.

b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi phân loại 6 thẻ tình huống vào 3 ô: Q - quyền, N - nghĩa vụ, V - vi phạm.

c) Sản phẩm: Bảng phân loại đúng: quyền, nghĩa vụ, hành vi vi phạm cần phê phán.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát/chiếu 6 thẻ tình huống. Luật chơi: HS làm cá nhân trong 30 giây, sau đó giơ thẻ Q/N/V. Mỗi đáp án đúng được 1 điểm; giải thích đúng được thêm 1 điểm.

Các thẻ:

- (1) Gia đình nộp lệ phí làm giấy tờ đúng hạn.
- (2) Người dân đề nghị công khai kinh phí sửa đường thôn theo quy định.
- (3) HS giữ gìn bàn ghế, thiết bị trường học.
- (4) Cá nhân dùng tiền hỗ trợ sai mục đích.
- (5) Người dân sử dụng bệnh viện công/trường công theo quy định.
- (6) Cán bộ lập danh sách hỗ trợ sai đối tượng để người thân được nhận tiền.

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, giơ thẻ và ghi đáp án vào vở.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS giải thích.

Gợi ý đáp án: (1) N - nộp khoản vào ngân sách theo quy định;

(2) Q - quyền được cung cấp thông tin/tham gia giám sát;

(3) N/trách nhiệm - bảo vệ tài sản công, sử dụng nguồn lực ngân sách hiệu quả;

(4) V - sử dụng sai mục đích;

(5) Q - quyền sử dụng dịch vụ công;

(6) V - trục lợi, vi phạm, cần phê phán.

Câu hỏi vận dụng: Vì sao một hành vi nhỏ như phá bàn ghế, lãng phí điện nước ở trường cũng liên quan đến ngân sách nhà nước? Gợi ý trả lời: Vì tài sản, điện nước, thiết bị trong trường công có thể được đầu tư/chi trả từ nguồn lực công; phá hoại/lãng phí làm tăng chi phí sửa chữa, giảm hiệu quả sử dụng ngân sách.

Bước 4 - Kết luận, nhận định:

GV chốt: Nhiệm vụ mở đầu đã giúp HS giải quyết vấn đề “quyền và nghĩa vụ công dân về ngân sách biểu hiện trong đời sống như thế nào”. Công dân vừa được hưởng lợi, được thông tin, được giám sát, vừa có nghĩa vụ đóng góp, sử dụng và bảo vệ nguồn lực ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách

Nhiệm vụ 2: Xử lý tình huống PCTN, PCTHTL và bảo vệ tài sản công (12 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh phân tích được các quyền, nghĩa vụ công dân; phân định các trường hợp lưu ý.

- Tích hợp PCTN: Làm rõ ý nghĩa quyền giám sát để chống tham nhũng.

- Tích hợp AI (NLA): Nhận diện rủi ro pháp lý khi dùng công nghệ tra cứu nghĩa vụ nộp thuế.

b) Nội dung: Đọc SGK tr.30, sử dụng kỹ thuật Think-Pair-Share để phân tích sâu các nghĩa vụ, quyền lợi và ranh giới pháp luật.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời chỉ rõ các quyền và nghĩa vụ trong Luật Ngân sách.

- Phát hiện rủi ro khi dùng AI tra cứu thuế (công dân vẫn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu nộp sai).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:	3. Quyền và nghĩa vụ của công

GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK về quyền, nghĩa vụ của công dân và tình huống ngư dân xã Q được hỗ trợ/vay vốn từ ngân sách để đóng tàu có thể đánh bắt xa bờ. HS làm việc cặp đôi theo Phiếu học tập số 3: “Quyền - Nghĩa vụ - Ví dụ thực tế”.

Câu hỏi giao nhiệm vụ:

1. Công dân có những quyền nào trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước?
2. Công dân có những nghĩa vụ nào trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước?
3. Trong tình huống ngư dân xã Q, người dân đã thực hiện nghĩa vụ nào? Vì sao việc sử dụng tiền hỗ trợ/vay vốn đúng mục đích là quan trọng?
4. Nếu một người khai sai thông tin để nhận hỗ trợ từ ngân sách, hành vi đó cần được đánh giá thế nào?
5. HS lớp 10 có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ về ngân sách bằng những việc làm cụ thể nào?

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc SGK, trao đổi theo cặp.

Mỗi cặp điền 3 cột: “Quyền/Nghĩa vụ - Biểu hiện - Ví dụ của HS/công dân”. GV theo dõi, hỗ trợ HS phân biệt quyền được sử dụng dịch vụ công với nghĩa vụ nộp các khoản vào ngân sách; nghĩa vụ sử dụng hỗ trợ đúng mục đích với hành vi trục lợi.

Tích hợp NLS/AI an toàn:

- HS có thiết bị được tra cứu văn bản/ngữ liệu minh họa nhưng phải ghi nguồn chính thống.
- Nếu sử dụng AI, HS chỉ dùng để gợi ý từ khóa hoặc tạo bảng so sánh; không dùng câu trả lời AI làm căn cứ cuối cùng. Kết quả phải đối chiếu với SGK, văn bản pháp luật hoặc tài liệu GV cung cấp; không nhập thông tin cá nhân.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:

3 cặp trình bày. Cặp 1 nêu quyền; cặp 2 nêu nghĩa vụ; cặp 3 xử lý tình huống ngư dân xã Q và việc khai sai thông tin nhận hỗ trợ. HS khác nhận xét, bổ sung ví dụ: nộp thuế/phí/lệ phí đúng hạn, sử dụng học bổng/hỗ trợ đúng mục đích, giữ gìn bàn ghế, thiết bị trường học, đề nghị công khai kinh phí theo quy định.

Gợi ý đáp án:

1. Quyền: được sử dụng hàng hóa, dịch vụ công cộng; được hỗ trợ từ ngân sách theo quy định; được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định.
2. Nghĩa vụ: nộp các khoản vào ngân sách theo quy định; sử dụng các khoản đầu tư/hỗ trợ từ ngân sách đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành quy định về kế toán, thống kê, công khai ngân sách khi thuộc chủ thể liên quan.
3. Ngư dân xã Q cần sử dụng hỗ trợ/vốn vay đúng

dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước

a) . Quyền của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước

- Được sử dụng hàng hóa, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định.
- Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật

b) Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước

- Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
 - Sử dụng các khoản đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.
 - Chấp hành quy định về kế toán, thống kê, công khai ngân sách khi thuộc chủ thể có liên quan; chịu trách nhiệm về sai sót, sai phạm theo quy định.
4. Thái độ và hành vi
- Tôn trọng pháp luật ngân sách.
 - Bảo vệ tài sản công, công trình công cộng.
 - Sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích.
 - Tham gia giám sát phù hợp với lứa tuổi.
 - Phê phán hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

mục đích, phát triển sản xuất, hoàn trả theo cam kết nếu là vốn vay; điều này bảo đảm ngân sách được dùng đúng đối tượng, hiệu quả.

4. Khai sai để nhận hỗ trợ là hành vi gian dối, trục lợi ngân sách, cần phê phán và xử lý theo quy định.

5. HS có thể giữ gìn tài sản công, tiết kiệm điện nước, không phá hoại công trình công cộng, tìm hiểu thông tin chính thống, tham gia góp ý/giám sát phù hợp lứa tuổi.

Câu hỏi vận dụng:

Vì sao quyền tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách lại góp phần phòng chống tham nhũng, lãng phí?

Gợi ý trả lời: Vì giám sát giúp phát hiện dấu hiệu chi sai mục đích, thiếu công khai, trục lợi; tăng minh bạch và trách nhiệm giải trình; bảo vệ lợi ích chung, giúp ngân sách được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét lập luận của học sinh.

+ Giáo viên nhấn mạnh:

GV chuẩn hóa kiến thức bằng bảng “Quyền - Nghĩa vụ - Thái độ”.

GV sửa lỗi thường gặp: chỉ nhớ nghĩa vụ nộp tiền mà quên quyền được hưởng dịch vụ công và quyền giám sát; nhầm tiền hỗ trợ là muốn dùng thế nào cũng được.

GV chốt nội dung cốt lõi: Nhiệm vụ này đã giúp HS giải quyết vấn đề “công dân có quyền gì, nghĩa vụ gì và cần có thái độ như thế nào đối với ngân sách nhà nước”. Quyền và nghĩa vụ luôn đi đôi: công dân được hưởng lợi, được thông tin, được giám sát, đồng thời phải nộp các khoản theo luật và sử dụng nguồn ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Nhiệm vụ 2: Xử lý tình huống PCTN, PCTHTL và bảo vệ tài sản công (12 phút)

Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức hoạt động nhóm chính của tiết 2. Lớp chia nhóm 4, mỗi nhóm bốc thăm 1 trong 3 tình huống tích hợp:

Tình huống A - PCTN: Một cán bộ lập danh sách hỗ trợ sau thiên tai, đưa thêm người thân không thuộc diện được hỗ trợ vào danh sách nhận tiền từ ngân sách.

Tình huống B - Tài sản công: Một số HS có ý làm hỏng bàn ghế, thiết bị trường học; vài bạn khác im lặng vì cho rằng “đồ công thì Nhà nước sửa”.

Tình huống C - PCTHTL: Địa phương tổ chức truyền thông phòng chống thuốc lá điện tử trong

***Nội dung tích hợp**

1. Phòng chống tham nhũng

- Ngân sách nhà nước là nguồn lực công, phải được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

- Cần phê phán hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, khai man hoặc đưa người không đúng đối tượng để trục lợi từ ngân sách; chi sai chế độ, tham ô, lãng phí.

2. Phòng chống tác hại thuốc lá

- Ngân sách chi cho y tế, truyền thông, phòng bệnh góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Thuốc lá, thuốc lá điện tử gây hại sức khỏe, kinh tế gia đình và xã hội; làm tăng gánh nặng y tế, ảnh hưởng chất lượng học tập, lao động.

- HS có trách nhiệm không sử dụng, không tiếp tay, biết khuyến ngăn và tham gia xây dựng môi trường học đường không khói thuốc.

trường học bằng nguồn kinh phí y tế dự phòng. Một số HS cho rằng đó là việc không cần thiết vì “hút thuốc là chuyện cá nhân”.

Nhiệm vụ:

1. Xác định hành vi/nhận định đúng hay sai trong tình huống.
2. Hành vi đó liên quan quyền/nghĩa vụ nào của công dân về ngân sách nhà nước?
3. Hành vi đó gây hậu quả gì cho lợi ích chung/ngân sách?
4. Đề xuất cách ứng xử phù hợp của HS.

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc nhóm 5 phút theo mẫu “Nhận diện - Căn cứ kiến thức - Hậu quả - Hành động đề xuất”. Nhóm trưởng phân công: người đọc tình huống, người ghi căn cứ, người nêu hậu quả, người trình bày. GV quan sát, gợi ý để HS bám YCCĐ, không sa đà kể chuyện.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:

Mỗi tình huống có 1 nhóm báo cáo. Nhóm khác phản biện bằng 2 câu hỏi: “Đề xuất có phù hợp lứa tuổi không?”, “Có bảo vệ lợi ích chung và tuân thủ pháp luật không?”.

Gợi ý trả lời:

- Tình huống A: Sai; là biểu hiện trục lợi chính sách, sử dụng ngân sách sai đối tượng, thiếu công bằng; cần phê phán, báo GV/người có trách nhiệm/cơ quan chức năng theo cách phù hợp.
- Tình huống B: Sai; HS có trách nhiệm bảo vệ tài sản công, sử dụng nguồn lực đầu tư từ ngân sách tiết kiệm, hiệu quả; cần nhắc nhở, báo GV, tham gia giữ gìn.
- Tình huống C: Nhận định “hút thuốc là chuyện cá nhân” chưa đúng; thuốc lá/thuốc lá điện tử gây hại sức khỏe, tăng chi phí y tế, ảnh hưởng gia đình, xã hội, chất lượng học tập và nguồn nhân lực. Chi ngân sách cho truyền thông phòng chống tác hại thuốc lá là cần thiết để bảo vệ sức khỏe cộng đồng. HS cần không sử dụng, không rủ rê, tham gia tuyên truyền, xây dựng môi trường không khói thuốc.

Câu hỏi vận dụng:

Khi phát hiện dấu hiệu sử dụng sai nguồn hỗ trợ từ ngân sách hoặc phá hoại tài sản công, HS nên làm gì để vừa có trách nhiệm vừa đúng pháp luật?

Gợi ý trả lời: HS cần nhắc nhở phù hợp, không bao che, báo GV/nhà trường/người có trách nhiệm; phản ánh trung thực, có căn cứ, không tung tin chưa kiểm chứng trên mạng xã hội; tôn trọng quy trình xử lý.

Bước 4 - Kết luận, nhận định:

GV nhận xét khả năng nhận diện hành vi, căn cứ pháp luật, giải pháp phù hợp lứa tuổi.

GV chốt: Nhiệm vụ này đã giúp HS giải quyết vấn đề “làm thế nào để ủng hộ hành vi chấp hành, phê phán hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước trong các tình huống thực tiễn”. Thực hiện pháp luật về ngân sách không chỉ là nộp tiền vào ngân sách, mà còn là sử dụng, bảo vệ, giám sát nguồn lực công; phê phán tham nhũng, lãng phí; không có lối sống gây hại sức khỏe và làm tăng gánh nặng cho gia đình, xã hội, ngân sách y tế.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP - Đúng/Sai có giải thích (7 phút)

a) Mục tiêu: củng cố quyền, nghĩa vụ của công dân và thái độ ủng hộ/phê phán hành vi chấp hành/vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Nội dung: HS xác định đúng/sai và giải thích ngắn các nhận định. GV yêu cầu giải thích bằng căn cứ: quyền, nghĩa vụ hoặc thái độ cần có.

c) Sản phẩm: Phiếu trả lời cá nhân hoặc bảng đáp án nhóm đôi.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát/chiếu 7 nhận định. HS làm cá nhân 2 phút, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh 1 phút.

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS ghi Đ/S và giải thích ngắn.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS nêu đáp án; HS khác nhận xét.

1. Công dân có quyền được sử dụng hàng hóa, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định. Đáp án: Đúng.

2. Chỉ cán bộ nhà nước mới có trách nhiệm giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước. Đáp án: Sai. Công dân được cung cấp thông tin và tham gia giám sát cộng đồng theo quy định.

3. Người được nhận hỗ trợ từ ngân sách có thể sử dụng khoản hỗ trợ tùy ý vì đã được cấp cho mình. Đáp án: Sai. Phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.

4. Nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định là một nghĩa vụ góp phần hình thành ngân sách nhà nước. Đáp án: Đúng.

5. Phá hoại công trình công cộng là hành vi thiếu trách nhiệm với tài sản được đầu tư từ ngân sách nhà nước. Đáp án: Đúng.

6. Sử dụng AI để hỏi thông tin ngân sách thì không cần kiểm chứng nguồn vì AI luôn chính xác. Đáp án: Sai. AI có thể sai, thiếu cập nhật hoặc tạo thông tin không chính xác; cần kiểm chứng bằng SGK, văn bản pháp luật, nguồn chính thống.

7. Chi ngân sách cho hoạt động phòng chống thuốc lá trong trường học có ý nghĩa bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giảm gánh nặng xã hội. Đáp án: Đúng.

Câu hỏi vận dụng: Tại sao trong các câu sai, điểm chung đều là thiếu trách nhiệm với nguồn lực công? Gợi ý trả lời: Vì các hành vi đó làm sai lệch mục đích sử dụng ngân sách, giảm hiệu quả nguồn lực chung, gây bất công hoặc làm tăng gánh nặng xã hội.

Bước 4 - Kết luận, nhận định: GV chốt: Nhiệm vụ luyện tập đã giúp HS giải quyết vấn đề “nhận diện nhanh hành vi đúng/sai và giải thích bằng quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân”. Khi gặp tình huống về ngân sách, HS cần xét 3 tiêu chí: đúng pháp luật, đúng mục đích, bảo vệ lợi ích chung.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG - Công dân nhỏ với ngân sách công (3 phút giao nhiệm vụ ngoài giờ)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để đề xuất hành vi công dân phù hợp trong sử dụng, bảo vệ, giám sát nguồn lực ngân sách nhà nước.

b) Nội dung: Cá nhân hoặc cặp đôi thiết kế một sản phẩm ngắn với chủ đề “Sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả”. Chọn một trong ba dạng: đoạn viết 8-10 dòng, poster A4, hoặc slide 1 trang. Nội dung phải có đủ: một quyền của công dân, một nghĩa vụ của công dân, một hành vi cần ủng hộ, một hành vi cần phê phán. Có thể lồng ghép thông điệp phòng chống tham nhũng hoặc phòng chống tác hại thuốc lá.

c) Sản phẩm: Đoạn viết/poster/slide một trang. Nếu dùng AI hoặc nguồn số, HS ghi rõ: “AI/nguồn số được dùng để gợi ý; nội dung đã kiểm chứng bằng SGK/nguồn chính thống”.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu, thời hạn nộp và rubric.

Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành ngoài giờ. HS có thể dùng AI để gợi ý bố cục nhưng phải tự viết nội dung, kiểm chứng nguồn và không đưa dữ liệu cá nhân.

Bước 3 - Báo cáo, thảo luận: Ở tiết sau/đầu giờ sau, GV chọn 3 sản phẩm tiêu biểu để HS tự đánh giá theo rubric. Gợi ý sản phẩm đạt: “Công dân có quyền được sử dụng dịch vụ công và được cung cấp thông tin về ngân sách. Công dân có nghĩa vụ nộp các khoản theo luật, sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, giữ gìn tài sản công. Cần ủng hộ hành vi công khai, minh bạch, tiết kiệm; phê phán trốn nghĩa vụ, chi sai, tham ô, lãng phí. HS có thể bắt đầu từ việc bảo vệ bàn ghế, thiết bị trường học và không sử dụng thuốc lá để không gây hại sức khỏe, không làm tăng gánh nặng cho gia đình, xã hội”.

Bước 4 - Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, đánh giá:

GV chốt: Nhiệm vụ vận dụng đã giúp HS giải quyết vấn đề “từ kiến thức bài học, HS có thể hành động gì để thể hiện trách nhiệm công dân với ngân sách nhà nước”. Mỗi hành vi nhỏ như tiết kiệm, bảo vệ tài sản công, nói không với thuốc lá, ủng hộ công khai minh bạch đều góp phần sử dụng ngân sách hiệu quả và bảo vệ lợi ích chung.

PHỤ LỤC

Rubric đánh giá sản phẩm nhóm trong hoạt động hình thành kiến thức

Tiêu chí	Mức tốt	Mức đạt	Cần cố gắng
Đúng kiến thức SGK	Nêu đủ ý chính, dùng đúng thuật ngữ: khái niệm, hệ thống, đặc điểm, vai trò/quyền/nghĩa vụ.	Nêu được đa số ý chính, còn thiếu 1-2 ý nhỏ nhưng không sai bản chất.	Thiếu nhiều ý, nhầm lẫn bản chất hoặc dùng thuật ngữ chưa đúng.
Lập luận và minh chứng	Giải thích rõ vì sao, có căn cứ từ SGK/tình huống, biết liên hệ thực tế.	Có giải thích nhưng còn ngắn; minh chứng chưa thật sâu.	Chủ yếu liệt kê, ít căn cứ, liên hệ chưa phù hợp.
Hợp tác và trình bày	Phân công rõ, nhiều thành viên tham gia, trình bày mạch lạc, đúng thời gian.	Có hợp tác, trình bày cơ bản rõ, còn phụ thuộc vào 1-2 thành viên.	Hợp tác hạn chế, trình bày rời rạc hoặc quá thời gian.
Tư duy phản biện	Trả lời được câu hỏi vận dụng, biết nhận xét hành vi đúng/sai và đề xuất giải pháp phù hợp.	Trả lời được câu hỏi vận dụng ở mức cơ bản.	Chưa giải thích được hoặc giải pháp chưa phù hợp lứa tuổi.

3. Rubric đánh giá sản phẩm vận dụng

Tiêu chí	Mức tốt	Mức đạt	Cần cố gắng
Nội dung bắt buộc	Có đủ quyền, nghĩa vụ, hành vi ủng hộ, hành vi phê phán; có thông điệp	Có 3/4 nội dung bắt buộc; thông điệp tương đối rõ.	Thiếu từ 2 nội dung bắt buộc trở lên hoặc thông điệp mờ.

	rõ.		
Bám kiến thức bài học	Bám sát khái niệm, vai trò, quyền/nghĩa vụ; không sai kiến thức.	Cơ bản đúng, còn diễn đạt chưa thật chuẩn.	Có sai sót kiến thức hoặc nhầm giữa quyền và nghĩa vụ.
Liên hệ thực tiễn	Liên hệ được công trình/dịch vụ/tình huống thực tế; đề xuất hành vi cụ thể, phù hợp lứa tuổi.	Có liên hệ nhưng còn chung chung.	Liên hệ chưa rõ hoặc đề xuất chưa phù hợp.
NLS/AI an toàn	Có nguồn kiểm chứng; ghi rõ nếu dùng AI; không sao chép máy móc; không lộ dữ liệu cá nhân.	Có sử dụng nguồn/AI nhưng ghi chú chưa đầy đủ.	Không ghi nguồn, phụ thuộc AI hoặc có nguy cơ lộ thông tin cá nhân.
Hình thức trình bày	Rõ ràng, thẩm mỹ, dễ đọc; đúng dung lượng.	Trình bày đọc được, còn một số lỗi nhỏ.	Khó đọc, quá dài/quá ngắn hoặc nhiều lỗi chính tả.

PHỤ LỤC: PHIẾU HỌC TẬP VÀ ĐÁP ÁN GỢI Ý

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1. KHÁI NIỆM, HỆ THỐNG VÀ ĐẶC ĐIỂM NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Ngân sách nhà nước gồm các khoản nào? Gợi ý: gồm toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước; thu từ thuế, phí, lệ phí, viện trợ, đóng góp hợp pháp...; chi đầu tư phát triển, dự trữ quốc gia, thường xuyên, trả nợ lãi, viện trợ...
2. Hệ thống ngân sách nhà nước gồm những bộ phận nào? Gợi ý: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
3. Chủ thể nào có quyền quyết định thu, chi ngân sách nhà nước? Gợi ý: cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và chủ thể có quyền quyết định các khoản thu, chi ngân sách theo pháp luật.
4. Mục đích của thu, chi ngân sách nhà nước là gì? Gợi ý: bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, phục vụ lợi ích chung, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội.
5. Khoản đóng góp của người dân có được hoàn trả trực tiếp cho từng cá nhân không? Vì sao? Gợi ý: Không hoàn trả trực tiếp; người dân hưởng lợi gián tiếp qua hàng hóa, dịch vụ công cộng, chính sách an sinh, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục...
6. Hãy nêu 4 đặc điểm của ngân sách nhà nước. Gợi ý: tính pháp lý cao; Nhà nước đại diện chủ sở hữu/quyết định thu chi; hướng tới lợi ích chung; thu chi không hoàn trả trực tiếp.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2. VAI TRÒ CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tình huống/minh chứng	Vai trò thể hiện	Lợi ích đem lại	Nếu thiếu ngân sách thì...
Mở đường, kéo điện, xây trường, trạm y tế ở vùng miền núi	Cung cấp dịch vụ công; điều tiết phát triển vùng	Nâng cao đời sống, giảm chênh lệch vùng miền	Giao thông, học tập, y tế khó khăn; phát triển chậm
Chi an sinh xã hội, hỗ trợ người dân, người lao động	Bảo đảm an sinh xã hội	Giảm khó khăn, bảo vệ nhóm yếu thế	Bất bình đẳng và rủi ro xã hội tăng
Chi y tế, truyền thông phòng chống thuốc lá	An sinh xã hội, y tế dự phòng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng	Giảm bệnh tật, giảm chi phí điều trị, nâng cao chất lượng sống	Gánh nặng y tế và kinh tế xã hội tăng

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN

Nội dung	Biểu hiện trong bài học	Ví dụ thực tế của HS/công dân
-----------------	--------------------------------	--------------------------------------

Quyền	Được sử dụng hàng hóa, dịch vụ công cộng; được hỗ trợ từ ngân sách; được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định.	Học ở trường công; dùng đường, thư viện, trạm y tế; đề nghị công khai kinh phí sửa chữa công trình công cộng theo quy định.
Nghĩa vụ	Nộp các khoản vào ngân sách theo quy định; sử dụng khoản đầu tư/hỗ trợ từ ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ tài sản công.	Gia đình nộp thuế, phí, lệ phí đúng hạn; HS giữ gìn bàn ghế, thiết bị trường học; người dân dùng tiền hỗ trợ đúng mục đích.
Thái độ	Ủng hộ hành vi chấp hành; phê phán hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách.	Ủng hộ công khai minh bạch; phê phán khai man nhận hỗ trợ, tham ô, lãng phí, phá hoại tài sản công.